

Số: /BC-SVHTTDL

Hải Dương, ngày tháng năm 2024

Dự thảo

BÁO CÁO

Đánh giá tác động của Nghị quyết quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Hải Dương giai đoạn 2024-2030

I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ BẮT CẬP TỔNG QUAN

1. Bối cảnh xây dựng chính sách

1.1. Luật pháp và chủ trương chính sách hiện hành

Chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Hải Dương được xây dựng trong bối cảnh Luật Du lịch 2005 được sửa đổi, thay thế bằng Luật Du lịch 2017 với nhiều quy định mới. Đồng thời các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước liên quan đến phát triển du lịch cũng được định hướng theo quan điểm đẩy mạnh phát triển du lịch thành ngành kinh tế mũi nhọn. Những căn cứ để xây dựng văn bản bao gồm:

a) Căn cứ pháp lý:

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015;
- Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 ngày 22/6/2015;
- Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015;
- Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19/6/2017.

b) Chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước:

- Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 16/01/2017 của Bộ Chính trị về phát triển du lịch thành ngành kinh tế mũi nhọn.
- Nghị quyết số 103/NQ-CP ngày 06/10/2017 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 16/1/2017 của Bộ Chính trị khóa XII về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn;

- Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 02/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước, tập trung khắc phục yếu kém, thúc đẩy phát triển du lịch;

- Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Hải Dương lần thứ XVI;

- Chương trình hành động số 10-CTr/TU ngày 16/5/2016 của Tỉnh ủy Hải Dương thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI nhiệm kỳ 2015 – 2020;

c) Định hướng phát triển:

- Quyết định số 2473/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030”;

- Quyết định số 201/QĐ-TTg ngày 22/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030”;

- Quyết định số 2163/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng chính phủ phê duyệt “Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch vùng Đồng bằng sông Hồng và Duyên hải Đông Bắc đến năm 2020”;

- Quyết định số 920/QĐ-TTg ngày 18/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Quy hoạch tổng thể bảo tồn khu di tích lịch sử - văn hoá Côn Sơn - Kiếp Bạc gắn với phát triển du lịch, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương”;

- Quyết định số 2768/QĐ - UBND ngày 31/7/2007 của UBND tỉnh Hải Dương về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết khu du lịch An Phụ - Kính Chủ, huyện Kinh Môn

- Quyết định số 3687/QĐ-UBND ngày 12/12/2016 của UBND tỉnh Hải Dương về việc phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng khu du lịch sinh thái sông Hương - Thanh Hà.

- Quyết định số 539/QĐ-UBND ngày 02/2/2018 của UBND tỉnh Hải Dương về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng khu du lịch sinh thái Đảo Cò, xã Chi Lăng Nam, huyện Thanh Miện.

- *Quyết định số 3360/QĐ-UBND ngày 03/11/2017 về việc ban hành danh mục Quyết định của UBND tỉnh quy định chi tiết biện pháp, chính sách thi hành Luật được Quốc hội khóa XIV thông qua tại kỳ họp thứ ba.*

1.2. Bối cảnh xây dựng chính sách

Tỉnh Hải Dương có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế quan trọng, như: có vị trí địa lý thuận lợi, giao thông thuận

tiện, kết nối với các trung tâm du lịch lớn của khu vực và cả nước về đường sắt và đường bộ, đường thủy; điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên đa dạng, khí hậu ôn hòa, nhiều danh lam, thắng cảnh nổi tiếng; sự đa dạng phong phú về các di sản văn hóa vật thể và phi vật thể, phong tục tập quán, con người thân thiện, mến khách. Với 3.199 di tích lịch sử, văn hoá, danh thắng, trong đó có 04 di tích được xếp hạng quốc gia đặc biệt, 142 di tích quốc gia, 271 di tích cấp tỉnh, 17 khu, điểm du lịch; 11 bảo vật quốc gia; 11 di sản văn hoá phi vật thể quốc gia; 826 lễ hội truyền thống, là “cái nôi” của nghệ thuật Chèo, UNESCO công nhận Hát ca trù là di sản văn hóa đại diện của nhân loại; có nghệ thuật rọi nước (Hồng Phong, Thanh Hải, Lê Lợi) nổi tiếng vùng đồng bằng sông Hồng; 66 làng nghề, trong đó có 34 làng nghề truyền thống; sản phẩm OCOP phong phú, đa dạng, làng nghề truyền thống, ẩm thực đặc sản nổi tiếng: bánh đậu xanh, bánh khảo, bánh gai, bún chả, chả rươi... Nhiều vùng có tiềm năng phát triển du lịch nông nghiệp-nông thôn như Đảo Cò Chi Lăng Nam, huyện Thanh Miện; Sông Hương, huyện Thanh Hà; khu vực rừng phong xã Hoàng Hoa Thám, rừng dẻ xã Bắc An, thành phố Chí Linh, vùng hành, tỏi, thị xã Kinh Môn; vùng rươi, cáy huyện Tứ Kỳ; Thanh Hà, Kinh Môn, vùng cà rốt huyện Nam Sách Cẩm Giàng...

Với những tiềm năng thế mạnh đó, trong những năm gần đây, tỉnh đã tập trung huy động nhiều nguồn lực phát triển du lịch du lịch văn hóa, du lịch nông nghiệp nông thôn. Toàn tỉnh hiện có 342 cơ sở lưu trú (khách sạn, homestay, nhà nghỉ) với tổng số 5731 phòng, trong đó có 56 khách sạn với 1892 phòng (01 khách sạn 4 sao, 04 khách sạn 3 sao, 04 khách sạn 2 sao, 02 khách sạn 1 sao, 45 khách sạn không đăng ký xếp hạng) và 6 homestay với 15 phòng; 35 doanh nghiệp lữ hành (24 nội địa, 11 quốc tế).

Đã xây dựng, đưa vào khai thác các sản phẩm du lịch chủ yếu gắn với tiềm năng du lịch văn hóa, du lịch nông nghiệp nông thôn với các khu, điểm du lịch như :

- *Du lịch văn hóa tham quan danh lam thắng cảnh:* tại Côn Sơn - Kiếp Bạc, An Phụ - Kính Chủ - Nhẫm Dương, đền Chu Văn An, đền Tranh, đền Khúc Thừa Dụ, Văn miếu Mao Điền, đền Bia, chùa Giám, đền Xưa

- *Du lịch lễ hội* gắn với các lễ hội tiêu biểu như: lễ hội mùa Xuân, mùa Thu Côn Sơn - Kiếp Bạc, lễ hội đền Cao An Phụ, lễ hội chùa Nhẫm Dương, lễ hội Văn Miếu Mao Điền, lễ hội đền Tranh, lễ hội làng Tiến sĩ Mộ Trạch...

- *Du lịch nông nghiệp, nông thôn:* Đảo cò Chi Lăng Nam - Thanh Miện; sông Hương - Thanh Hà với các sản phẩm nông nghiệp tiêu biểu (vải, ổi, bưởi, rươi, cáy); Kinh Môn (cam, hành, tỏi, đà điểu); Chí Linh (na, nhãn); Nam Sách (hành, tỏi, cà rốt); Tứ Kỳ (rươi, cáy), làng nghề Gốm Chu Đậu, làng nghề gỗ Đông Giao...

Du lịch của tỉnh đã bước đầu tăng trưởng và phát triển cả về sản phẩm du lịch, số lượng khách và tổng thu du lịch. Mặc dù chịu tác động gay gắt của

đại dịch COVID-19, du lịch của tỉnh vẫn cố gắng vượt qua thách thức, đạt được kết quả đáng ghi nhận, năm 2021 đón 13,7 nghìn lượt khách, năm 2022 đón 1.231 nghìn lượt khách.

Năm 2023 du lịch của tỉnh đã có những bước phục hồi, phát triển trở lại, toàn tỉnh ước đón 1.801.485 lượt khách, tăng 46,3% so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó: trong đó khách quốc tế: 73.782 lượt tăng 45,6% so với năm 2022, khách nội địa 1.727.702 lượt tăng 46,3% so với năm 2022. Doanh thu đạt 861,35 tỷ đồng, tăng 46,6% so với cùng kỳ năm 2022.

Ước tính 6 tháng năm 2024, toàn tỉnh ước đón trên 1.443.894 lượt khách, tăng 57 % so với cùng kỳ năm 2023. Trong đó: khách nội địa đón khoảng 1.405.215 lượt khách, khách quốc tế đón khoảng 38.639 lượt khách. Doanh thu ước đạt 614,74 tỷ đồng, tăng 52% so với cùng kỳ năm 2023.

Theo Quy hoạch tỉnh Hải Dương ban hành kèm theo Quyết định số 1639/QĐ-TTg ngày 19/12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ: phương án phát triển các khu tổ hợp sinh thái, du lịch nghỉ dưỡng triển khai trên địa bàn tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 có 18 khu gồm: Khu du lịch Đảo Ngọc, khu di tích quốc gia đặc biệt Côn Sơn- Kiếp Bạc (hình thành khu du lịch quốc gia), khu du lịch sinh thái hồ Thanh Long, khu du lịch nghỉ dưỡng, sinh thái, thể thao và vui chơi giải trí Côn Vĩnh Trụ; tổ hợp du lịch nghỉ dưỡng sinh thái Đập Viễn; khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, nông nghiệp công nghệ cao(du lịch dưới tán rừng); khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng gắn với quần thể di tích chùa Thanh Mai; làng du lịch thôn Thanh Mai gắn với vùng trồng hoa; Phát triển các bến thuyền(địa bàn thành phố Chí Linh) phục vụ du lịch; khu du lịch An Phụ- Kênh Chủ- Nhãn Dương; khu du lịch làng nghề truyền thống gỗ Đông Giao; khu du lịch nông nghiệp sinh thái An Thanh; khu du lịch văn hóa Gốm Chu Đậu; khu du lịch sinh thái Đảo Cờ; khu du lịch văn hóa lịch sử, du lịch nông nghiệp và làng nghề truyền thống huyện Ninh Giang; khu du lịch sinh thái sông Hương và khu du lịch dịch vụ tổng hợp, nghỉ dưỡng và sân golf Bãi Soi (Tứ Kỳ, Thanh Hà).

Để khai thác tốt tiềm năng, thế mạnh du lịch của tỉnh, tiếp tục duy trì và phát triển hoạt động du lịch của tỉnh trong thời gian tới cần thiết phải có những chính sách hỗ trợ kịp thời nhằm góp phần thực hiện các mục tiêu chiến lược phát triển du lịch của tỉnh đã đề ra, phù hợp với các chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, phù hợp với các chương trình, kế hoạch và tình hình thực tế phát triển du lịch hiện nay của tỉnh.

1.3. Những hạn chế, khó khăn

Bên cạnh những kết quả đạt được, ngành du lịch tỉnh Hải Dương vẫn còn một số tồn tại, hạn chế: Sản phẩm du lịch chưa rõ nét, thiếu các dịch vụ cần thiết tại điểm đến, chi tiêu của khách du lịch nội địa và quốc tế còn thấp, thời gian lưu trú ngắn; nhất là tại các khu du lịch trọng điểm đã được quy hoạch, các điểm du

lich còn thiếu nhà đón khách và trưng bày, giới thiệu sản phẩm, chưa có phương tiện vận chuyển khách nội vùng, đường giao thông nội bộ, bãi đỗ xe tại các khu, điểm du lịch còn nhỏ, hẹp, nhà vệ sinh công cộng chưa đạt chuẩn... Do đó, chưa thu hút, tạo động lực cho nhiều nhà đầu tư chiến lược vào lĩnh vực du lịch; còn thiếu nguồn nhân lực du lịch có chất lượng....

1.4. Nguyên nhân hạn chế, khó khăn

a) Nguyên nhân chủ quan

Hạ tầng du lịch, chất lượng cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch còn nhiều bất cập, các dịch vụ lưu trú, ăn uống, vui chơi giải trí tại các khu, điểm du lịch còn thiếu, chất lượng chưa cao. Các nhà văn hoá thôn, xã chưa được khai thác công năng vào hoạt động du lịch. Các dự án đầu tư về du lịch chậm triển khai, các nhà đầu tư chiến lược lớn mới dừng ở nghiên cứu, lập quy hoạch.

Hoạt động quảng bá, xúc tiến, thu hút các dự án đầu tư phát triển lĩnh vực du lịch chưa hiệu quả; công tác xây dựng thương hiệu du lịch của tỉnh còn hạn chế, chưa có các thương hiệu đủ mạnh để xúc tiến, quảng bá du lịch của tỉnh.

Còn thiếu các cơ chế, chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển các sản phẩm du lịch; sản phẩm du lịch chưa đa dạng, phong phú, thiếu sản phẩm du lịch có chất lượng cao; chính sách phát triển các sản phẩm du lịch mà tỉnh có tiềm năng rất lớn như du lịch cộng đồng, du lịch nông nghiệp nông thôn, du lịch thể thao...còn hạn chế.

Quy mô các doanh nghiệp du lịch còn nhỏ, nguồn nhân lực du lịch chưa đáp ứng yêu cầu phát triển.

Nguồn kinh phí hỗ trợ từ nhà nước còn hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu; nguồn lực đầu tư cho phát triển du lịch chủ yếu từ doanh nghiệp, các hộ gia đình nên còn hạn chế; ở một số địa phương có nhiều tiềm năng phát triển du lịch nhưng cộng đồng dân cư còn nhiều khó khăn, chưa được hỗ trợ kịp thời, vì vậy chưa phát huy tiềm năng phát triển du lịch cộng đồng, du lịch nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh.

b) Nguyên nhân khách quan

Sự cạnh tranh thị trường của các trung tâm du lịch lớn trong nước ngày càng gay gắt. Nhu cầu, thị hiếu của khách ngày càng đòi hỏi cao về chất lượng dịch vụ.

Chủ trương cắt giảm đầu tư công của Chính phủ cũng ảnh hưởng đến một số dự án đầu tư vào du lịch. Tình hình thiên tai, dịch bệnh trong thời gian qua, đặc biệt là đại dịch Covid-19 đã tác động tiêu cực tới hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, người dân; nhiều doanh nghiệp phải đóng cửa, người dân mất việc làm, tổng thu du lịch, nguồn nhân lực du lịch giảm do vậy các chính sách đặt ra từ trước không đạt được kết quả mong muốn.

2. Mục tiêu xây dựng chính sách

Nhằm hỗ trợ một phần chi phí, khuyến khích, tạo điều kiện cho các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân tham gia đầu tư phát triển du lịch.

Chính sách hỗ trợ phát triển du lịch của tỉnh tập trung hỗ trợ cho các tổ chức, doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hộ gia đình, cá nhân đầu tư phát triển du lịch tại khu vực khu du lịch trọng điểm đã được quy hoạch, các điểm du lịch đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt.

II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH

1. Chính sách 1: Hỗ trợ đầu tư xây dựng mới loại hình nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê hoặc nâng cấp, cải tạo loại hình nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê tại các khu, điểm du lịch.

1.1. Xác định vấn đề bất cập

Cơ sở hạ tầng vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch trên địa bàn tỉnh còn chưa phong phú, đồng bộ, chưa tương xứng với tiềm năng, thế mạnh của tỉnh; các hộ gia đình có nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê (homestay) hoạt động mang nặng tính cá thể, chưa chú trọng nâng cao chất lượng toàn diện, chưa đáp ứng được nhu cầu lưu trú của khách du lịch. Tại các địa phương có điều kiện phát triển du lịch cộng đồng, du lịch nông nghiệp, nông thôn như xã Chi Lăng Nam (huyện Thanh Miện), các xã: Tân Việt, Cẩm Chế, Liên Mạc, Thanh Xuân, Thanh Thủy, Thanh Xá, Thanh Khê (huyện Thanh Hà); Hoàng Hoa Thám, Bắc An (thành phố Chí Linh); An Thanh, Hà Thanh, Tân Kỳ, Hà Kỳ, Tiên Động, Hưng Đạo, Bình Lăng, Quang Phục (huyện Tứ Kỳ); các phường: An Sinh, Duy Tân (thị xã Kinh Môn)... các hộ dân có điều kiện để kinh doanh dịch vụ lưu trú nhưng thiếu nguồn vốn để xây dựng mới nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê cải tạo, sửa chữa, nâng cấp, nhà ở, phòng cho khách du lịch thuê, mua sắm các trang thiết bị thiết yếu phục vụ du lịch, cải tạo cảnh quan.

1.2. Mục tiêu của chính sách

Thu hút nguồn kinh phí đầu tư xây dựng hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật tại các khu, điểm du lịch, góp phần xây dựng nông thôn mới; gia tăng dịch vụ lưu trú, lựa chọn cho cho du khách; tăng thu du lịch, nguồn thu trực tiếp của người dân địa phương, có đóng góp vào sự phát triển ngành du lịch của tỉnh.

1.3. Giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Hỗ trợ hộ gia đình xây dựng mới nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê hoặc nâng cấp, cải tạo nhà ở nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê (cải tạo khuôn viên, mua sắm trang thiết bị phục vụ kinh doanh du lịch...)

Mức hỗ trợ: Hỗ trợ 100 triệu đồng/công trình xây dựng mới và 50 triệu đồng/công trình nâng cấp, cải tạo.

1.4. Đánh giá tác động

- *Tác động về kinh tế:* Thực hiện được chính sách trên sẽ khuyến khích các doanh nghiệp, hộ kinh doanh mạnh dạn đầu tư kinh phí xây mới, cải tạo, sửa chữa, nâng cấp, mua sắm trang thiết bị, mở rộng quy mô kinh doanh du lịch. Gia tăng các giá trị du lịch giúp tăng thu cho ngân sách, cho người dân và doanh nghiệp. Các điểm du lịch có đầy đủ hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật theo tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch.

- *Tác động về mặt xã hội:* Giúp cho đời sống vật chất tinh thần người dân được nâng cao, quan hệ xã hội của cộng đồng được mở rộng, tiếp thu các giá trị xã hội mà du lịch mang lại.

- *Tác động thủ tục hành chính:* Chính sách này không phát sinh thủ tục hành chính mới.

- *Tác động đối với hệ thống pháp luật:* Việc xây dựng chính sách này đảm bảo hợp hiến, hợp pháp, không dẫn đến tác động đối với hệ thống pháp luật.

1.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

- Thực hiện hỗ trợ xây dựng mới nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê hoặc cải tạo, nâng cấp nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê, phục vụ khách du lịch tại các khu, điểm du lịch.

- Thẩm quyền ban hành chính sách là HĐND tỉnh.

2. Chính sách 2: Hỗ trợ đầu tư xây dựng Nhà đón khách và trưng bày, giới thiệu sản phẩm du lịch, sản phẩm nông nghiệp, nông thôn phục vụ khách du lịch tại khu, điểm du lịch

2.1. Xác định vấn đề bất cập

Tỉnh có nhiều sản phẩm nông nghiệp OCOP, tiêu thủ công nghiệp, làng nghề truyền thống, ẩm thực đặc sản nổi tiếng, đặc trưng để là món quà quê cho du khách mua về khi ghé thăm Hải Dương. Tuy nhiên, nhà đón khách tại các khu, điểm du lịch, di tích trên địa bàn toàn tỉnh còn thiếu, mới chỉ dừng ở hoạt động đón tiếp hành chính; chưa có chức năng hoạt động là nơi trưng bày giới thiệu sản phẩm du lịch, sản phẩm nông nghiệp OCOP, tiêu thủ công nghiệp, làng nghề truyền thống ... để phục vụ khách du lịch tham quan, trải nghiệm, mua sắm. Rất cần thiết có các nhà với đồng thời các chức năng là đón khách và trưng bày, giới thiệu sản phẩm du lịch, sản phẩm nông nghiệp OCOP, tiêu thủ công nghiệp, làng nghề truyền thống sản, phẩm nông nghiệp, nông thôn

2.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Hỗ trợ các khu, điểm du lịch xây dựng Nhà đón khách, trưng bày giới thiệu sản phẩm du lịch, sản phẩm nông nghiệp nông thôn để phục vụ khách du lịch;

thông qua đó quảng bá các sản phẩm đến du khách trong và ngoài nước, đẩy mạnh tiêu thụ hàng hóa, nông sản, thúc đẩy phát triển sản xuất.

2.3. Giải pháp đề xuất giải quyết vấn đề

Hỗ trợ các khu, điểm du lịch xây dựng Nhà đón khách, trưng bày giới thiệu sản phẩm du lịch, sản phẩm nông nghiệp sản phẩm nông nghiệp nông thôn để phục vụ khách du lịch thuộc khu, điểm du lịch, làng nghề với diện tích xây dựng từ 200m² trở lên, có nhà vệ sinh khép kín, có quầy trưng bày giới thiệu sản phẩm, đảm bảo chất lượng khi đưa vào sử dụng.

Mức hỗ trợ: 300 triệu đồng/nhà.

2.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

- *Tác động về kinh tế:* Thực hiện được chính sách trên sẽ khuyến khích các doanh nghiệp, hộ kinh doanh mạnh dạn đầu tư kinh phí xây dựng Nhà đón khách, trưng bày, giới thiệu, quảng bá, mua sắm sản phẩm du lịch, sản phẩm nông nghiệp OCOP, tiểu thủ công nghiệp, làng nghề phục vụ khách du lịch; từ đó quảng bá thương hiệu các sản phẩm. Việc gia tăng các giá trị du lịch giúp tăng thu cho ngân sách, tăng thu cho người dân và doanh nghiệp. Các khu, điểm du lịch có đầy đủ hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật theo tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch.

- *Tác động về mặt xã hội:* Giúp cho đời sống vật chất tinh thần người dân được nâng cao, quan hệ xã hội của cộng đồng được mở rộng, tiếp thu các giá trị xã hội mà du lịch mang lại.

- *Tác động thủ tục hành chính:* Chính sách này không phát sinh thủ tục hành chính mới.

- *Tác động đối với hệ thống pháp luật:* Việc xây dựng chính sách này đảm bảo hợp hiến, hợp pháp, không dẫn đến tác động đối với hệ thống pháp luật.

2.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

- Thực hiện hỗ trợ xây dựng Nhà đón khách, trưng bày giới thiệu sản phẩm du lịch, sản phẩm nông nghiệp sản phẩm nông nghiệp nông thôn phục vụ khách du lịch tại các khu, điểm du lịch.

- Thẩm quyền ban hành chính sách là HĐND tỉnh.

3. Chính sách 3: Hỗ trợ xây dựng nhà vệ sinh công cộng tại khu, điểm du lịch

3.1. Xác định vấn đề bất cập

Các khu, điểm du lịch trên địa bàn toàn tỉnh hầu hết có nhà vệ sinh công cộng còn chưa đảm bảo tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch; tổ chức, hộ gia đình thiếu nguồn vốn để xây dựng hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật, trong đó có xây dựng công trình vệ sinh công cộng phục vụ khách du lịch.

3.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Hỗ trợ các khu, điểm du lịch đầu tư xây dựng nhà vệ sinh công cộng đảm bảo đáp ứng đủ nhu cầu phục vụ phát triển du lịch và nhu cầu sinh hoạt của người dân tại các khu, điểm du lịch.

3.3. Giải pháp đề xuất giải quyết vấn đề

Căn cứ các tiêu chuẩn, định mức cụ thể để hỗ trợ một phần kinh phí từ ngân sách cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đầu tư xây dựng công trình vệ sinh công cộng đảm bảo tiêu chuẩn tối thiểu phục vụ khách du lịch.

Mức hỗ trợ: 100 triệu đồng/nhà vệ sinh công cộng.

3.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

- *Tác động về kinh tế:* Thực hiện được chính sách trên sẽ khuyến khích các doanh nghiệp, hộ kinh doanh tại khu vực khu, điểm du lịch mạnh dạn đầu tư kinh phí xây dựng nhà vệ sinh công cộng đạt chuẩn phục vụ khách du lịch. Các khu, điểm du lịch có đầy đủ hệ thống hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch, đồng bộ để phục vụ phát triển du lịch.

- *Tác động về mặt xã hội:* Giúp cho đời sống vật chất tinh thần người dân được nâng cao, quan hệ xã hội của cộng đồng được mở rộng, tiếp thu các giá trị xã hội mà du lịch mang lại.

- *Tác động thủ tục hành chính:* Chính sách này không phát sinh thủ tục hành chính mới.

- *Tác động đối với hệ thống pháp luật:* Việc xây dựng chính sách này đảm bảo hợp hiến, hợp pháp, không dẫn đến tác động đối với hệ thống pháp luật.

3.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

- Thực hiện hỗ trợ xây dựng nhà vệ sinh công cộng đạt chuẩn tại các khu, điểm du lịch.

- Thẩm quyền ban hành chính sách là HĐND tỉnh.

4. Chính sách 4. Hỗ trợ mua sắm phương tiện vận chuyển khách du lịch tại khu, điểm du lịch

4.1. Xác định vấn đề bất cập

Các khu, điểm du lịch trên địa bàn toàn tỉnh hầu hết còn thiếu các phương tiện vận tải (xe điện, thuyền đối với khu, điểm du lịch có hồ nước...) phục vụ khách du lịch; doanh nghiệp, hộ kinh doanh thiếu nguồn vốn để đầu tư hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật, mua sắm thuyền, xe điện và các phương tiện vận tải khác phục vụ khách du lịch.

4.2. Mục tiêu

Hỗ trợ các khu, điểm du lịch trang bị đầy đủ hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật đảm bảo tiêu chuẩn phục vụ du lịch; thu hút nguồn kinh phí đầu tư mua sắm cơ sở vật chất kỹ thuật tại các điểm du lịch.

Đầu tư mua sắm tàu, thuyền, xe điện cho khách du lịch thuê đảm bảo điều kiện cho cơ sở kinh doanh du lịch mở rộng loại hình kinh doanh, tăng cường thu hút khách du lịch.

4.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Hỗ trợ kinh phí mua sắm thuyền, xe điện phục vụ khách du lịch từ ngân sách cho các tổ chức, cá nhân, hộ kinh doanh dịch vụ vận chuyển khách du lịch tại khu điểm du lịch.

Mức hỗ trợ: 20% kinh phí

a) Đối với hỗ trợ thuyền: Tối đa không quá 100 triệu đồng/thuyền, không quá 2 thuyền/ khu, điểm du lịch.

b) Đối với hỗ trợ xe điện: Tối đa không quá 30 triệu đồng/ xe, không quá 5 xe điện/ khu, điểm du lịch.

4.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

- Tác động về kinh tế: Thực hiện được chính sách trên sẽ khuyến khích các doanh nghiệp, hộ kinh doanh mạnh dạn đầu tư kinh phí mua sắm trang thiết bị, mở rộng quy mô kinh doanh du lịch, đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật, dịch vụ, xây dựng hình thành khu, điểm du lịch. Gia tăng các giá trị du lịch giúp tăng thu cho ngân sách, tăng thu cho người dân và doanh nghiệp. Các khu, điểm du lịch có đầy đủ hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật theo tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch.

- Tác động về mặt xã hội: Giúp cho đời sống vật chất tinh thần người dân được nâng cao, quan hệ xã hội của cộng đồng được mở rộng, tiếp thu các giá trị xã hội mà du lịch mang lại.

- Tác động về mặt giới: Chính sách này không phân biệt về quyền, nghĩa vụ và lợi ích giữa các giới.

- Tác động thủ tục hành chính: Chính sách này không phát sinh thủ tục hành chính mới.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật: Việc xây dựng chính sách này đảm bảo hợp hiến, hợp pháp, không dẫn đến tác động đối với hệ thống pháp luật.

5. Chính sách 5. Hỗ trợ thành lập và duy trì hoạt động của đội văn nghệ, câu lạc bộ văn nghệ quần chúng, phường rối nước, đội pháo đất tại các khu, điểm du lịch để phục vụ khách du lịch

5.1 Xác định vấn đề bất cập

Vấn đề sản phẩm du lịch của tỉnh còn thiếu các yếu tố văn hóa đan xen, trong khi tỉnh Hải Dương có hệ thống di sản văn hóa phi vật thể (như hát chèo, ca trù, hát trầu văn, nghệ thuật rỗi nước, trò chơi dân gian pháo đất...) rất có giá trị, có thể khai thác phục vụ khách du lịch trong và ngoài nước, qua đó bảo tồn và phát huy được các giá trị này.

5.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc, tăng tính trải nghiệm cho khách du lịch, giới thiệu nét đẹp văn hóa truyền thống dân tộc tới du khách trong và ngoài nước, tăng tính hấp dẫn của các tour du lịch.

Xây dựng các khu, điểm du lịch với các sản phẩm dịch vụ mang tính đặc sắc của từng địa phương, đáp ứng được nhu cầu đa dạng của du khách, nâng cao giá trị, tăng thu nhập cho người dân.

5.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Hỗ trợ nghiên cứu các giải pháp khai thác giá trị di sản văn hóa phi vật thể, khôi phục các hoạt động văn hóa, văn nghệ, nghệ thuật truyền thống; giải pháp phát huy các giá trị bản sắc về phong tục tập quán của địa phương phục vụ khách du lịch.

Mức hỗ trợ: Hỗ trợ một lần 50 triệu đồng cho việc thành lập và duy trì hoạt động đối với đội văn nghệ, câu lạc bộ văn nghệ quần chúng, phường rỗi nước, đội pháo đất có quy mô từ 15 người trở lên; chỉ hỗ trợ tối đa 02 đội văn nghệ hoặc câu lạc bộ văn nghệ quần chúng, phường rỗi nước, đội pháo đất tại mỗi đơn vị hành chính cấp xã nơi có khu, điểm du lịch.

5.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

- *Tác động về kinh tế:* Thực hiện được chính sách trên sẽ khuyến khích các việc thành lập và duy trì hoạt động của các đội/ câu lạc bộ văn nghệ, phường rỗi nước, đội pháo đất... phục vụ du khách, nâng cao thu nhập cho cộng đồng địa phương, gia tăng giá trị sản phẩm du lịch. Thu hút nhiều du khách đến, giúp tăng thu cho ngân sách, tăng thu cho người dân và doanh nghiệp.

- *Tác động về mặt xã hội:* Giúp tạo nên sinh kế bền vững, góp phần nâng cao đời sống vật chất tinh thần người dân, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa, các di sản văn hóa phi vật thể; xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu, nâng cao.

- *Tác động thủ tục hành chính:* Chính sách này không phát sinh thủ tục hành chính mới.

- *Tác động đối với hệ thống pháp luật:* Việc xây dựng chính sách này đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, không tác động đối với hệ thống pháp luật.

5.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

- Thực hiện công tác biểu diễn nghệ thuật truyền thống nhằm bảo tồn văn hóa phi vật thể của nhân loại, giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, xúc tiến quảng bá du lịch; xây dựng thương hiệu du lịch Hải Dương.

- Thẩm quyền ban hành chính sách là HĐND tỉnh.

Chính sách 6. Hỗ trợ làm đường giao thông nội bộ tại khu vực khu, điểm du lịch

6.1. Xác định vấn đề bất cập

Hệ thống giao thông nội bộ tại các khu, điểm du lịch hầu hết nhỏ, hẹp, chưa được đầu tư cơ bản, khó khăn cho phát triển du lịch; doanh nghiệp, hộ kinh doanh thiếu vốn đầu tư cho xây dựng hệ thống hạ tầng điểm du lịch, trong đó có đường giao thông nội bộ.

6.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Hỗ trợ các khu, điểm du lịch xây dựng hệ thống đường giao thông kết nối thuận tiện, hệ thống đường giao thông nội bộ kiên cố, sạch sẽ, đảm bảo phục vụ nhu cầu di chuyển, phục vụ phát triển du lịch. Đầu tư hệ thống đường giao thông nội bộ trong khu vực khu, điểm du lịch đảm bảo đáp ứng đủ nhu cầu phục vụ phát triển du lịch các khu, điểm du lịch.

6.3. Giải pháp đề xuất giải quyết vấn đề

Hỗ trợ đầu tư xây dựng đường giao thông nội bộ trong khu vực khu, điểm du lịch.

Mức hỗ trợ: 150 triệu đồng/km, tối đa không quá 500 triệu đồng/khu, điểm du lịch.

6.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

- *Tác động về kinh tế:* Thực hiện được chính sách trên sẽ khuyến khích các doanh nghiệp, hộ kinh doanh mạnh dạn đầu tư kinh phí xây mới, cải tạo, sửa chữa, nâng cấp hệ thống cơ sở hạ tầng tạo điều kiện tốt nhất phát triển du lịch. Gia tăng các giá trị du lịch giúp tăng thu cho ngân sách, tăng thu cho người dân và doanh nghiệp. Các khu, điểm du lịch có đầy đủ hệ thống hạ tầng cơ bản, đồng bộ để phục vụ phát triển du lịch.

- *Tác động về mặt xã hội:* Giúp cho đời sống vật chất tinh thần người dân được nâng cao, quan hệ xã hội của cộng đồng được mở rộng, tiếp thu các giá trị xã hội mà du lịch mang lại.

- *Tác động thủ tục hành chính:* Chính sách này không phát sinh thủ tục hành chính mới.

- *Tác động đối với hệ thống pháp luật:* Việc xây dựng chính sách này đảm bảo hợp hiến, hợp pháp, không dẫn đến tác động đối với hệ thống pháp luật.

6.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

- Thực hiện xây dựng đường giao thông nội bộ trong khu vực khu, điểm du lịch.

- Thẩm quyền ban hành chính sách là HĐND tỉnh.

Chính sách 7. Hỗ trợ xây dựng bãi đỗ xe tại khu vực khu, điểm du lịch

7.1. Xác định vấn đề bất cập

Bãi đỗ xe tại các khu, điểm du lịch trên địa bàn tỉnh còn thiếu, chưa đảm bảo đáp ứng yêu cầu phục vụ khách du lịch; doanh nghiệp, hộ kinh doanh thiếu nguồn vốn đầu tư xây dựng hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật khu, điểm du lịch.

7.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Hỗ trợ các khu, điểm du lịch xây dựng bãi đỗ xe trong khu vực khu, điểm du lịch đảm bảo đáp ứng đủ nhu cầu phục vụ phát triển du lịch các khu, điểm du lịch.

7.3. Giải pháp đề xuất giải quyết vấn đề

Hỗ trợ đầu tư xây dựng bãi đỗ xe trong khu vực khu, điểm du lịch.

Mức hỗ trợ: 100 triệu đồng/bãi đỗ xe, tối đa không quá 02 bãi đỗ xe/khu, điểm du lịch.

7.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

- *Tác động về kinh tế:* Thực hiện được chính sách trên sẽ khuyến khích các doanh nghiệp, hộ kinh doanh mạnh dạn đầu tư kinh phí xây mới, cải tạo, sửa chữa, nâng cấp hệ thống cơ sở hạ tầng tạo điều kiện tốt nhất phát triển du lịch. Gia tăng các giá trị du lịch giúp tăng thu cho ngân sách, tăng thu cho người dân và doanh nghiệp. Các khu, điểm du lịch có đầy đủ hệ thống hạ tầng cơ bản, đồng bộ để phục vụ phát triển du lịch.

- *Tác động về mặt xã hội:* Giúp cho đời sống vật chất tinh thần người dân được nâng cao, quan hệ xã hội của cộng đồng được mở rộng, tiếp thu các giá trị xã hội mà du lịch mang lại.

- *Tác động thủ tục hành chính:* Chính sách này không phát sinh thủ tục hành chính mới.

- *Tác động đối với hệ thống pháp luật:* Việc xây dựng chính sách này đảm bảo hợp hiến, hợp pháp, không dẫn đến tác động đối với hệ thống pháp luật.

7.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

- Thực hiện xây dựng đường giao thông nội bộ trong khu vực khu, điểm du lịch.

- Thẩm quyền ban hành chính sách là HĐND tỉnh.

IV. Ý KIẾN THAM VẤN

Trên cơ sở những đánh giá trên, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức lấy ý kiến đối với nội dung, giải pháp hỗ trợ, những tác động các chính sách mà dự thảo Nghị quyết đưa ra, thời gian áp dụng Nghị quyết giai đoạn 2024 - 2030.

V. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ

1. HĐND tỉnh giám sát việc triển khai thực hiện chính sách.
2. UBND tỉnh quản lý, chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện các nội dung chính sách.
3. Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố triển khai thực hiện chính sách; đồng thời kiểm tra việc thực hiện chính sách báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và cấp có thẩm quyền theo quy định.

Trên đây là báo cáo đánh giá tác động đề nghị xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định quy định chính sách hỗ trợ phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Hải Dương giai đoạn 2024-2030./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Phó Chủ tịch UBND tỉnh Nguyễn Minh Hùng (để b/c);
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Lãnh đạo Sở;
- Các phòng QLNN thuộc Sở;
- Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở;
- Lưu: VT, QLDL.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Vũ Đình Tiến

PHỤ LỤC I**Danh sách các hộ kinh doanh du lịch cộng đồng, du lịch nông nghiệp sinh thái trên địa bàn tỉnh**

STT	Tên hộ kinh doanh	Địa chỉ	Ghi chú
1	Nguyễn Đức Lê	xóm 1 thôn An Dương, xã Chi Lăng Nam, huyện Thanh Miện	
2	Nguyễn Đăng Thắng	xóm 1 thôn An Dương, xã Chi Lăng Nam, huyện Thanh Miện	
3	Nguyễn Đăng Nghĩa	xóm 1 thôn An Dương, xã Chi Lăng Nam, huyện Thanh Miện	
4	Nguyễn Đức Hiều	xóm 1 thôn An Dương, xã Chi Lăng Nam, huyện Thanh Miện	
5	Nguyễn Đăng Dân	xóm 1 thôn An Dương, xã Chi Lăng Nam, huyện Thanh Miện	
6	Nguyễn Đăng Ngu	xóm 1 thôn An Dương, xã Chi Lăng Nam, huyện Thanh Miện	
7	Nguyễn Đăng Đài	xóm 1 thôn An Dương, xã Chi Lăng Nam, huyện Thanh Miện	
8	Nguyễn Đăng Nghị	xóm 1 thôn An Dương, xã Chi Lăng Nam, huyện Thanh Miện	
9	Vũ Văn Phong	Thôn Triều Dương, xã Chi Lăng Nam, huyện Thanh Miện	
10	Đỗ Thị Lánh	Xã , xã Chi Lăng Nam, huyện Thanh Miện	
11	Lê Quang Phước	Xã , xã Chi Lăng Nam, huyện Thanh Miện	
12	Nguyễn Văn Dũng	Thôn Kim Đậu, xã Lạc Long, Kinh Môn	Tiệm Nhà Dũng quê
13	Phạm Thị Liêm	Xã Thanh Khê, huyện Thanh Hà	Khu du lịch sinh

			thái Đồng Mẫn
14	Dương Văn Nam	Xã Liêm Mạc, huyện Thanh Hà	Khu trải nghiệm nông trại hàng nông sản sạch Nam Vũ
15	Mai Xuân Thịnh	Phố Nguyễn Chế Nghĩa, thị trấn Gia Lộc, huyện Gia Lộc	Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hữu cơ HD- GREEN

PHỤ LỤC II**Các xã, phường có tiềm năng phát triển du lịch cộng đồng, du lịch nông nghiệp sinh thái**

STT	Địa phương có tiềm năng	Ghi chú
1	Phường Cộng Hòa, thành phố Chí Linh	
2	Phường Hoàng Tiến, thành phố Chí Linh	
3	Xã Hoàng Hoa Thám, thành phố Chí Linh	
4	Xã Bắc An, thành phố Chí Linh	
5	Phường Minh Tân, thị xã Kinh Môn	
6	Phường Duy Tân, thị xã Kinh Môn	
7	Phường Tân Dân, thị xã Kinh Môn	
8	Phường An Sinh, thị xã Kinh Môn	
9	Xã An Thanh, huyện Tứ Kỳ	
10	Xã Tân Kỳ, huyện Tứ Kỳ	
11	Xã Minh Đức, huyện Tứ Kỳ	
12	Xã Quang Khải, huyện Tứ Kỳ	
13	Xã Đại Hợp, huyện Tứ Kỳ	
14	Xã Dân Chủ, huyện Tứ Kỳ	
15	Xã Chí Minh, huyện Tứ Kỳ	
16	Xã Bình Lãng, huyện Tứ Kỳ	
17	Xã Hưng Đạo, huyện Tứ Kỳ	
18	Xã Nghĩa An, huyện Ninh Giang	
19	Xã Kiến Quốc, huyện Ninh Giang	

20	Xã Hồng Phong, huyện Ninh Giang	
21	Xã Đồng Tâm, huyện Ninh Giang	
22	Thị trấn Thanh Bình, huyện Thanh Hà	Du lịch sinh thái Sông Hương
23	Xã Cẩm Chế, huyện Thanh Hà	
24	Xã Tân Việt, huyện Thanh Hà	
25	Xã Liên Mạc, huyện Thanh Hà	
26	Xã Thanh Xá, huyện Thanh Hà	
27	Xã Thanh Thủy, huyện Thanh Hà	
28	Xã Thanh Xuân, huyện Thanh Hà	
29	Xã Thanh Sơn, huyện Thanh Hà	
30	Xã Thanh Khê, huyện Thanh Hà	
31	Xã Thanh Quang, huyện Thanh Hà	
32	Xã Thanh Hải, huyện Thanh Hà	
33	Xã Chi Lăng Nam, huyện Thanh Miện	
35	Xã Nam Tân, huyện Nam Sách	
36	Xã Kim Đính, huyện Kim Thành	
37	Xã Đức Chính, huyện Cẩm Giàng	

PHỤ LỤC III

Các khu, điểm du lịch đã được công nhận trên địa bàn tỉnh

STT	Tên khu, điểm du lịch	Loại hình		Tên đơn vị quản lý	Địa chỉ và số điện thoại giao dịch	Tên đơn vị chủ quản	Ghi chú
		Khu DL cấp tỉnh	Điểm DL				
1	Khu di tích Côn Sơn – Kiếp Bạc	Quyết định số 3854/QĐ-UBND ngày 01/11/2019		Ban quản lý Di tích Côn Sơn – Kiếp Bạc	Phường Cộng Hòa, TP Chí Linh, tỉnh Hải Dương ĐT:02203882400	Sở VH TTDL Hải Dương	
2	Di tích lịch sử và thắng cảnh Phụng Hoàng	Quyết định số 4291/QĐ-UBND ngày 05/12/2019		Ban quản lý Di tích TP Chí Linh	Phường Văn An, TP Chí Linh, tỉnh Hải Dương ĐT:02203882284	UBND thành phố Chí Linh	
3	Di tích lịch sử và kiến trúc nghệ thuật Quần thể Đền Cao	Quyết định số 4290/QĐ-UBND ngày 05/12/2019		Ban quản lý Di tích TP Chí Linh	Phường An Lạc, TP Chí Linh, tỉnh Hải Dương ĐT:02203882284	UBND thành phố Chí Linh	
4	Quần thể di tích lịch sử An Phụ, Kính Chủ, Nhâm Dương	Quyết định số 2144/QĐ-UBND ngày 02/8/2021		Ban quản lý Di tích thị xã Kinh Môn	Phường An Sinh, phường Phạm Thái, phường Duy Tân - thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương	UBND thị xã Kinh Môn	
5	Di tích kiến trúc nghệ thuật Đền Sinh – Đền Hóa		Quyết định số 4292/QĐ-UBND ngày	Ban quản lý Di tích TP Chí Linh	Xã Lê Lợi, TP Chí Linh, tỉnh Hải Dương ĐT:02203882284	UBND thành phố Chí Linh	

STT	Tên khu, điểm du lịch	Loại hình		Tên đơn vị quản lý	Địa chỉ và số điện thoại giao dịch	Tên đơn vị chủ quản	Ghi chú
		Khu DL cấp tỉnh	Điểm DL				
			05/12/2019				
6	Khu tưởng niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh		Quyết định số 3006/QĐ-UBND ngày 27/8/2019	UBND xã Nam Chính	Xã Nam Chính, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương ĐT:0973637666	UBND huyện Nam Sách	
7	Di tích chùa Trăm Gian		Quyết định số 3007/QĐ-UBND ngày 27/8/2019	Ban quản lý Di tích xã An Bình	Xã An Bình, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương ĐT: 02203794218	UBND huyện Nam Sách	
8	Cụm di tích đình Đâu – Nhà bia thành lập Tỉnh ủy – Phủ ủy Nam Sách		Quyết định số 3008/QĐ-UBND ngày 27/8/2019	UBND Xã Hợp Tiến	Xã Hợp Tiến, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương ĐT: 0372605063	UBND huyện Nam Sách	
9	Làng nghề Gốm Chu Đậu		Quyết định số 3009/QĐ-UBND ngày 27/8/2019	UBND xã Thái Tân	Xã Thái Tân, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương ĐT: 0987338390	UBND huyện Nam Sách	
10	Di tích đền Long Động		Quyết định 3019/QĐ-UBND ngày 28/8/2019	UBND xã Nam Tân	Xã Nam Tân, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương ĐT:02203750283	UBND huyện Nam Sách	

STT	Tên khu, điểm du lịch	Loại hình		Tên đơn vị quản lý	Địa chỉ và số điện thoại giao dịch	Tên đơn vị chủ quản	Ghi chú
		Khu DL cấp tỉnh	Điểm DL				
11	Bảo tàng Hải Dương		Quyết định số 243/QĐ-UBND ngày 18/01/2023	Bảo tàng tỉnh	Phường Nguyễn Trãi, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương	Sở VH-TTDL Hải Dương	
12	Di tích lịch sử - văn hóa- Đền - Đình Sượt		Quyết định số 244/QĐ-UBND ngày 18/01/2023	UBND phường Thanh Bình	Phường Thanh Bình, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương	UBND thành phố Hải Dương,	
13	Di tích chùa Đồng Ngọ và Miếu - đình Cập Nhất		Quyết định số 242/QĐ-UBND ngày 18/01/2023	UBND xã Tiên Tiến	Xã Tiên Tiến, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương	UBND thành phố Hải Dương	
14	Di tích lịch sử, văn hóa đình – đền Lạc Dục		Quyết định số 1004/QĐ-UBND ngày 30/5/2023	UBND xã Hưng Đạo	Xã Hưng Đạo, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương	UBND huyện Tứ Kỳ	
15	Di tích kiến trúc nghệ thuật quốc gia đền Tranh		Quyết định số 3110/QĐ-UBND ngày 21/12/2023	UBND xã Đồng Tâm	Xã Đồng Tâm, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương	UBND huyện Ninh Giang	
16	Di tích lịch sử - văn hóa đình Trịnh Xuyên		Quyết định số 3109/QĐ-UBND ngày 21/12/2023	UBND xã Nghĩa An	Xã Nghĩa An, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương	UBND huyện Ninh Giang	
17	Phường Rối nước Hồng Phong		Quyết định số 3111/QĐ-UBND ngày 21/12/2023	UBND xã Hồng Phong	Xã Hồng Phong, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương	UBND huyện Ninh Giang	

PHỤ LỤC IV
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC KHU TỔ HỢP SINH THÁI, DU LỊCH NGHỈ
DƯỠNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HẢI DƯƠNG
THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(theo Quyết định số 1639/QĐ-TTg ngày 19 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng
Chính phủ)

STT	Khu du lịch	Vị trí dự kiến
1	Khu du lịch Đảo Ngọc	Thành phố Hải Dương
2	Khu di tích quốc gia đặc biệt Côn Sơn - Kiếp Bạc (hình thành khu du lịch quốc gia)	Thành phố Chí Linh
3	Khu du lịch sinh thái hồ Thanh Long	Thành phố Chí Linh
4	Khu du lịch nghỉ dưỡng, sinh thái, thể thao và vui chơi giải trí gắn với đô thị hồ Bến Tắm	Thành phố Chí Linh
5	Khu du lịch nghỉ dưỡng, sinh thái, thể thao và vui chơi giải trí Cồn Vĩnh Trụ	Thành phố Chí Linh
6	Tổ hợp du lịch nghỉ dưỡng sinh thái Đập Viễn	Thành phố Chí Linh
7	Khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, nông nghiệp công nghệ cao (du lịch dưới tán rừng)	Thành phố Chí Linh
8	Khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng gắn với quần thể di tích chùa Thanh Mai	Thành phố Chí Linh
9	Làng du lịch thôn Thanh Mai gắn với vùng trồng hoa	Thành phố Chí Linh
10	Phát triển các bến thuyền phục vụ du lịch	Thành phố Chí Linh
11	Khu du lịch Quốc gia đặc biệt An Phụ - Kính Chủ - Nhâm Dương	Thị xã Kinh Môn

12	Khu du lịch làng nghề truyền thống gỗ Đông Giao	Huyện Cẩm Giàng
13	Khu du lịch nông nghiệp sinh thái An Thanh	Huyện Tứ Kỳ
14	Khu du lịch văn hóa gồm Chu Đậu	Huyện Nam Sách
15	Khu du lịch sinh thái Đảo Cò	Huyện Thanh Miện
16	Khu du lịch văn hóa - lịch sử, du lịch nông nghiệp và làng nghề truyền thống huyện Ninh Giang	Huyện Ninh Giang
17	Khu du lịch sinh thái Sông Hương	Huyện Thanh Hà
18	Khu du lịch dịch vụ tổng hợp, nghỉ dưỡng và sân golf Bãi Soi	Huyện Tứ Kỳ, huyện Thanh Hà

PHỤ LỤC V**Danh sách các làng nghề, làng nghề truyền thống được UBND tỉnh công nhận**

TT	Tên làng	Làng nghề	Làng nghề truyền thống	Địa chỉ	Năm công nhận
I	HUYỆN CẨM GIÀNG (04)	2	2		
1	Làng gỗ mỹ nghệ Đông Giao		x	Thôn Đông Giao, Lương Điền, Cẩm Giàng	2004
2	Làng nghề rượu Phú Lộc		x	Thôn Phú Lộc, xã Cẩm Vũ, Cẩm Giàng	2004
3	Làng nghề gỗ mỹ nghệ và dân dụng Ngọc Quyết	x		Ngọc Quyết, Ngọc Liên, Cẩm Giàng	2013
4	Làng nghề mộc dân dụng Lê Xá	x		Lê Xá-Cẩm Phúc, Cẩm Giàng	2010
II	HUYỆN TỨ KỲ (11)	4	7		
1	Làng nghề mộc An Lại	x		Thôn An Lại - Dân Chủ, Tứ Kỳ	2011
2	Làng nghề mộc, rèn Kiên Tân	x		Thôn Kiên Tân-Quảng Nghiệp, Tứ Kỳ	2011
3	Làng thêu ren La Xá		x	Thôn La Xá - Dân Chủ, Tứ Kỳ	2011
4	Làng nghề chiếu cói Thanh Kỳ		x	Thôn Thanh Kỳ - An Thanh, Tứ Kỳ	2004
5	Làng nghề đan mây, tre, nứa thôn An Nhân		x	Thôn An Nhân - TT Tứ Kỳ, Tứ Kỳ	2004
6	Làng nghề thêu ren Xuân Nẻo		x	Thôn Xuân Nẻo - Hưng Đạo, Tứ Kỳ	2004
7	Làng nghề thêu ren Ô Mễ		x	Thôn Ô Mễ - Hưng Đạo, Tứ Kỳ	2004
8	Làng nghề thêu ren Nhũ Tinh		x	Thôn Nhũ Tinh - Quang Khải, Tứ Kỳ	2004
9	Làng nghề thêu ren Lạc Dục	x		Thôn Lạc Dục - Hưng Đạo, Tứ Kỳ	2007

TT	Tên làng	Làng nghề	Làng nghề	Địa chỉ	Năm công nhận
10	Làng nghề thêu ren Nghi Khê		x	Thôn Nghi Khê - Tân Kỳ, Tứ Kỳ	2007
11	Làng nghề mộc, thêu ren Đồng Bình	x		Thôn Đồng Bình - Dân Chủ, Tứ Kỳ	2010
III	HUYỆN THANH HÀ (02)				
1	Làng nghề chiếu cói Tiên Kiều		x	Thôn Tiên Kiều - Thanh Hồng, Thanh Hà	2006
2	Làng nghề chiếu cói Nhan Bàu		x	Thôn Nhan Bàu - Thanh Hồng, Thanh Hà	2010
IV	HUYỆN THANH MIỆN (07)				
1	Làng mây giang xiên-bánh đa Tào Khê	x		Thôn Tào Khê, xã Chi Lăng Bắc, Thanh Miện	2006
2	Làng làm thùng rọ Nại Trì		x	Thôn Nại Trì, xã Ngũ Hùng, Thanh Miện	2004
3	Làng bánh đa Hội Yên		x	Thôn Hội Yên, xã Chi Lăng Nam, Thanh Miện	2004
4	Làng đan tre Đan Giáp		x	Thôn Đan Giáp, xã Thanh Giang, Thanh Miện	2004
5	Làng mây giang xiên-bánh đa Đào Lâm	x		Thôn Đào Lâm, xã Đoàn Tùng, Thanh Miện	2006
6	Làng thêu tranh, móc sợi An Dương	x		Xã Chi Lăng Nam, Thanh Miện	2008
7	Làng ghép trúc, thêu tranh La Ngoại	x		Xã Ngũ Hùng, Thanh Miện	2008
V	HUYỆN KIM THÀNH (02)				
1	Làng nghề làm hương truyền thống Dưỡng Thái Bắc		x	Thôn Dưỡng Thái Bắc, Phúc Thành, Kim Thành	2006
2	Làng nghề mộc thôn Bắc	x		Thôn Bắc xã Cỗ Dũng, Kim Thành	2008
VI	HUYỆN NAM SÁCH (08)				
1	Làng nghề làm hương thôn Tống Xá	x		Thôn Tống Xá-Thanh Quang, Nam Sách	2018

TT	Tên làng	Làng nghề	Làng nghề	Địa chỉ	Năm công nhận
2	Làng nghề gốm Chu Đậu		x	Chu Đậu-Thái Tân, Nam Sách	2015
3	Làng nghề sản xuất CBNS Mạn Đê	x		Mạn Đê- Nam Trung, Nam Sách	2003
4	Làng nghề mộc Ngô Đồng	x		Thôn Ngô Đồng- Nam Hưng, Nam Sách	2011
5	Làng nghề trồng hoa, cây cảnh Phù Liễn	x		Phù Liễn-Hồng Phong, Nam Sách	2019
6	Làng nghề đan tre, làm hương thôn An Xá	x		Thôn An Xá-Quốc Tuấn, Nam Sách	2004
7	Làng nghề làm hương truyền thống thôn Trục Trì		x	Thôn Trục Trì- Quốc Tuấn, Nam Sách	2008
8	Làng nghề làm hương thơm truyền thống thôn Đông Thôn		x	Thôn Đông Thôn- Quốc Tuấn, Nam Sách	2010
VII	HUYỆN BÌNH GIANG (09)				
1	Làng nghề cơ khí Tráng Liệt	x		TT Kẽ Sắt, Bình Giang	2004
2	Làng nghề vàng bạc Châu Khê		x	xã Thúc Kháng, Bình Giang	2004
3	Làng nghề Mộc thôn Trại Như	x		xã Bình Xuyên, Bình Giang	2007
4	Làng nghề gốm sứ Cậy		x	xã Long Xuyên, Bình Giang	2008
5	Làng nghề Lược Vạc		x	xã Thái Học, Bình Giang	2008
6	Làng nghề Mộc thôn Phương Độ		x	xã Vĩnh Hưng, Bình Giang	2008
7	Làng nghề chế tác vàng bạc Lương Ngọc	x		xã Thúc Kháng, Bình Giang	2010
8	Làng nghề mộc Ngọc Mai	x		xã Vĩnh Hưng, Bình Giang	2013
9	Làng nghề chổi chít Lý Đỏ	x		xã Tân Việt, Bình Giang	2015
VIII	THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG (03)				
1	Làng bánh đa Lộ Cương		x	Phường Tứ Minh, TP.	2006

TT	Tên làng	Làng nghề	Làng nghề	Địa chỉ	Năm công nhận
				Hải Dương	
2	Làng mộc Nguyễn Xá	x		Phường Thạch Khôi, TP. Hải Dương	2006
3	Làng mộc Đức Minh		x	Phường Thanh Bình, TP. Hải Dương	2004
IX	HUYỆN NINH GIANG (02)				
1	Làng nghề mộc Cúc Bồ		x	Thôn Cúc Bồ xã Kiến Quốc huyện Ninh Giang	2004
2	Làng nghề nấu rượu, thêu ren xã Văn Giang	x		Xã Văn Hội, huyện Ninh Giang	2007
X	THỊ XÃ KINH MÔN (04)				
1	Làng CBNS thực phẩm Tổng Buồng	x		KDC Tổng Buồng - Thái Thịnh, TX Kinh Môn	2007
2	Làng CBTP An Thủy	x		KDC An Thủy - Hiến Thành, TX Kinh Môn	2006
3	Làng trạm khắc đá Dương Nham		x	KDC Dương Nham - Phạm Mệnh, TX Kinh Môn	2008
4	Làng uơng tơ Hà Tràng		x	KDC Hà Tràng - Thăng Long, TX Kinh Môn	2004
XI	THÀNH PHỐ CHÍ LINH (03)				
1	Làng sản xuất chổi chít Mật Sơn	x		P. Chí Minh, TP Chí Linh	2007
2	Làng SXVLXD không nung Trại Mới	x		P. Văn An, TP Chí Linh	2007
3	Làng SXVLXD không nung Làng Tường	x		P. Văn An, TP Chí Linh	2007
XII	HUYỆN GIA LỘC (11)				
1	Làng giấy da Nghĩa Hy		x	Xã Hoàng Diệu, Gia Lộc	2004
2	Làng giấy da Phong Lâm		x	Xã Hoàng Diệu, Gia Lộc	2004
3	Làng đan mây tre Chằm		x	Xã Phương Hưng, Gia Lộc	2004
4	Làng bún Đông Cạn		x	Xã Tân Tiến, Gia Lộc	2004

TT	Tên làng	Làng nghề	Làng nghề	Địa chỉ	Năm công lập
5	Làng bún Tam Dương		x	Xã Tân Tiến, Gia Lộc	2004
6	Làng giấy da Trúc Lâm		x	Xã Hoàng Diệu, Gia Lộc	2006
7	Làng giấy da Văn Lâm		x	Xã Hoàng Diệu, Gia Lộc	2006
8	Làng mộc, thêu ren Làng Gạch	x		Xã Gia Hoà, huyện Gia Lộc	2007
9	Làng rèn, thêu ren Đồng Tái		x	Xã Thống Kênh, Gia Lộc	2008
10	Làng mộc Đức Đại	x		Thị trấn Gia Lộc, Gia Lộc	2013
11	Làng gò tôn thôn Ngà	x		Xã Phương Hưng, Gia Lộc	2013
	TỔNG CỘNG (66)	32	34		

PHỤ LỤC VI
Các đội pháo đất, phường rối nước

STT	Tên đội	Địa chỉ	Ghi chú
I	Đội pháo đất		
1	Tân Hương	Xã Tân Hương, huyện Ninh Giang	
2	Tân Quang	Xã Tân Quang, huyện Ninh Giang	
3	Nghĩa An	Xã Nghĩa An, huyện Ninh Giang	
4	Đức Xương	Xã Đức Xương, huyện Gia Lộc	
5	Minh Đức	Xã Minh Đức, huyện Tứ Kỳ	
6	Đại Hợp	Xã Đại Hợp, huyện Tứ Kỳ	
7	Quang Khải	Xã Quang Khải, huyện Tứ Kỳ	
II	Phường rối nước		
1	Xã Hồng Phong	Huyện Ninh Giang	
2	Xã Thanh Hải	Huyện Thanh Hà	
3	Xã Lê Lợi	Huyện Gia Lộc	

PHỤ LỤC VII
Số lượng và trình độ lao động trong ngành du lịch tỉnh Hải Dương giai đoạn
2021-2023

STT	Năm	2021	2022	2023	Ghi chú
1	Tổng số lao động	13.450	13.995	14.974	
<i>1.1</i>	<i>Lao động gián tiếp</i>	10.135	10.545	11.283	
<i>1.2</i>	<i>Lao động trực tiếp:</i>				
2	Đại học, trên ĐH	638	682	729	
3	Cao đẳng, trung cấp	1.465	1.567	1.676	
4	Dưới trung cấp	967	1.034	1.106	
5	Lao động chưa qua đào tạo	245	262	280	

PHỤ LỤC VIII
DANH SÁCH CƠ SỞ LƯU TRÚ DU LỊCH TỈNH HẢI DƯƠNG
(Có Quyết định, Thông báo đủ ĐKKD CSLTDL)

TT	Tên cơ sở lưu trú	Địa chỉ	Số ký hiệu văn bản công nhận	Ngày ký	Loại CSLT du lịch	Số điện thoại	Tổng số phòng	Tổng số nhân viên
1	Khách sạn Nam Cường Hải Dương	Số 1 đại lộ Võ Nguyên Giáp, TPHD	252/QĐ-TCDL	10/5/2018	4 sao	3,894888	181	241
2	Khách sạn Trường Thành	Số 2 Đường Thanh Niên, TPHD	219/QĐ-SVHTTDL	17/6/2020	3 sao	3852665	138	60
3	Khách sạn Hữu Nghị	số 26 Đoàn Kết, TPHD	609/QĐ-SVHTTDL	23/12/2019	3 sao	3851888	50	17
4	Khách sạn Purple Lotus	số 232 đường Trường Chinh, Tân Bình, TPHD	115/QĐ-SVHTTDL	31/3/2020	3 sao	3831222	51	50
5	Khách sạn Kim Bảo	số 16 phố Vương Chiêu, TP HD	388/QĐ-SVHTTDL	23/11/2021	3 sao	3867389	67	27
6	Khách sạn Đồng Xanh	số 48 Nguyễn Hữu Cầu, TPHD	143/QĐ-SVHTTDL	5/5/2020	2 sao	3847450	34	23
7	Khách sạn Kim Sơn	số 10 Đoàn kết, TPHD	580/QĐ-SVHTTDL	26/12/2018	2 sao	3851999	45	22
8	Khách sạn TOP	số 12A Đoàn Kết, TPHD	578/QĐ-SVHTTDL	26/12/2018	2 sao	3833333	25	16

9	Khách sạn Tiến Thành	số 364 Nguyễn Lương Bằng, TPHD	579/QĐ-SVHTTDL	26/12/2018	2 sao	3897595	38	17
10	Khách sạn Phương Nguyên	Km52+950 khu 2, Cẩm Thượng TPHD	28/QĐ-SVHTTDL	28/01/2021	2 sao	3858858	32	15
11	Khách sạn Nam Anh	số 1A15 Đoàn Kết, TPHD	309/QĐ-SVHTTDL	6/10/2015	TĐ 2 sao	3837777	26	5
12	Khách sạn Tùng Lâm	Số 227 đường An Định, TPHD	141/QĐ-SVHTTDL	26/5/2021	1 sao	906170886	28	6
13	Khách sạn MIO Hotel	Số 3 Ngõ 118 Ngõ Sỹ Liên, Tứ Minh, TPHD	387/QĐ-SVHTTDL	30/9/2020	1 sao	902272000 /3898386	10	5
14	Nhà nghỉ Thu Nam	32 Lạc Long Quân- Hải Tân, TPHD	224/QĐ-SVHTTDL	4/8/2015	Nhà nghỉ DL	3864168	16	2
15	Nhà nghỉ Hoa Quỳnh	Lô16, Hồng Châu. Hải Tân, TPHD	223/QĐ-SVHTTDL	4/8/2015	Nhà nghỉ DL	652226	16	2
16	Nhà nghỉ Minh Ngọc	43, An Dương Vương, Hải Tân, TPHD	222/QĐ-SVHTTDL	4/8/2015	Nhà nghỉ DL		18	2
17	Nhà nghỉ Sao Mai	Số 2 Đỗ Ngọc Du, phường Tân Bình, TPHD	24/QĐ-SVHTTDL	11/2/2015	Nhà nghỉ DL	3897419	24	10
18	Khách sạn Sao Đỏ	119 Nguyễn Trãi 1, Sao Đỏ, TP Chí Linh	318/QĐ-SVHTTDL	20/7/2018	3 sao	6266555/ 0972753177	50	20
19	Khách sạn Mai Ngân	Khu Bích Nhôi 1, Minh Tân, Kinh Môn	346/QĐ-SVHTTDL	13/8/2020	2 sao	3520 520	29	28
20	Khách sạn Tuấn Anh	Đường Tuệ Tĩnh, thị trấn Thanh Miện, Thanh Miện	264/QĐ-SVHTTDL	8/7/2016	2 sao	0977.877.999	30	10

21	Nhà nghỉ Hương Cau	xã Bình Xuyên, Bình Giang	159/QĐ-SVHTTDL	6/6/2017	Nhà nghỉ DL		10	2
22	Khách sạn Ánh Dương 2	Km 64+ 400 thôn Bắc, Cỗ Dũng, Kim Thành	91/QĐ-SVHTTDL	14/4/2017	1 sao	903206026	28	10
23	Khách sạn Âu Cơ	số 1A Nguyễn Hữu Cầu, TPHD	754/TB-SVHTTDL	1/6/2020	CSLTDL	6282828	29	14
24	Khách sạn Hoàng Gia	số 114 Đoàn Kết, TPHD	700/TB-SVHTTDL	26/5/2020	CSLTDL	912526529	30	7
25	Khách sạn ASEAN	số 168 Trần Hưng Đạo, TPHD	694/TB-SVHTTDL	26/5/2020	CSLTDL	3869969	55	10
26	Khách sạn 168 hotel	Số 6 Nguyễn Tri Phương, Quang Trung, TPHD	970/TB-SVHTTDL	10/7/2020	CSLTDL	988561119	20	15
27	Khách sạn Phan Anh	số 1 Nguyễn Hữu Cầu, TPHD	691/TB-SVHTTDL	26/5/2020	CSLTDL	3831888	20	10
28	Khách sạn Hoàng Nguyên	số 444 Nguyễn Lương Bằng, TPHD	702/TB-SVHTTDL	26/5/2020	CSLTDL	989152001	11	20
29	Khách sạn Phương Đông	Km 4 Nguyễn Lương Bằng, TPHD	693/TB-SVHTTDL	26/5/2020	CSLTDL	936572757/3892223	32	15
30	Khách sạn Phương Anh	Số 316-318 Ngô Quyền, Tân Bình, TPHD	690/TB-SVHTTDL	26/5/2020	CSLTDL	0220.3832.832	38	17
31	Khách sạn Phương Anh 2	Số 386 đường Trường Chinh, TPHD	692/TB-SVHTTDL	26/5/2020	CSLTDL	903456689	34	17
32	Khách sạn Hoàng Ngân	Số 84 (7) Đường Đoàn Kết, TP HD	703/TB-SVHTTDL	26/5/2020	CSLTDL	968001001	18	8

33	Khách sạn Hải Dương	khu 15 Bình Hàn, TPHD	705/TB-SVHTTDL	26/5/2020	CSLTDL	934581111	25	8
34	Khách sạn Đông Hưng	Đường An Lạc, Khu 4 Cẩm Thượng, TPHD	1052/TB-SVHTTDL	22/7/2021	CSLTDL	3831286	40	5
35	Nhà nghỉ Ánh Tuyết	Số 235 đường An Định, Cẩm Thượng, TPHD	696/TB-SVHTTDL	26/5/2020	CSLTDL	376278609	24	5
36	Nhà nghỉ Ánh Tuyết 2	Số 7, Tụ Đông - Cẩm Thượng, TPHD	697/TB-SVHTTDL	26/5/2020	CSLTDL	987414449	18	5
37	Nhà nghỉ Bảo An hotel	Lô 452, KĐT Trường Thịnh, TPHD	699/TB-SVHTTDL	26/5/2020	CSLTDL	943616969	14	5
38	Nhà nghỉ Bảo An 1	số 10/215 Nguyễn Lương Bằng, TPHD	701/TB-SVHTTDL	26/5/2020	CSLTDL	943616969	12	5
39	Nhà nghỉ Xuân Huy	14 Hoàng Quốc Việt, phường Thanh Bình, TPHD	752/TB-SVHTTDL	1/6/2020	CSLTDL	972911563	12	2
40	Nhà nghỉ Lê Tường	86 Hoàng Quốc Việt, phường Thanh Bình, TPHD	753/TB-SVHTTDL	1/6/2020	CSLTDL	389405280	21	3
41	Nhà nghỉ Minh Nhật	Số 155, đường Thanh Bình, TPHD	704/TB-SVHTTDL	26/5/2020	CSLTDL	977229966	19	3
42	Nhà nghỉ Star hotel	Số 1 đường Hồng Châu, Hải Tân, TPHD	1051/TB-SVHTTDL	22/7/2021	CSLTDL	3863892	19	3
43	Nhà nghỉ Ngoại Ô	KCN I, phường Thạch Khôi, TPHD	706/TB-SVHTTDL	26/5/2020	CSLTDL	913543468	26	6
44	Khách sạn Duyên Hải 2	Quán Sui, Lôi Động, Cộng Hòa, TP. Chí Linh	67/TB-SVHTTDL	15/01/2021	CSLTDL	3586616	35	4

45	Nhà nghỉ Hồng Loan	Khu dân cư số 6, phường Phả Lại, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.	1928/TB-SVHTTDL	15/12/2021	CSLTDL	378291555	9	2
46	Nhà nghỉ Đảo Cò	Xóm 1, An Dương, Chi Lăng Nam, Thanh Miện	1049/TB-SVHTTDL	22/7/2021	CSLTDL	0353 876 227	16	3
47	Nhà nghỉ Thanh Lịch	Xóm 1, An Dương, Chi Lăng Nam, Thanh Miện	1050/TB-SVHTTDL	22/7/2021	CSLTDL	0973 441 686	24	2
48	Nhà nghỉ Phong Nga	Hồng Phong, Nam Sách	1944/TB-SVHTTDL	17/12/2021	CSLTDL	0989 162 999	14	4
49	Nhà nghỉ Thanh Tuyền	175 đường Trần Hưng Đạo, khu La Xuyên, thị trấn Nam Sách	1175/TB-SVHTTDL	11/8/2021	CSLTDL		9	3
50	Nhà nghỉ Thanh Thúy	108 đường Trần Hưng Đạo 2, khu La Xuyên, thị trấn Nam Sách	1174/TB-SVHTTDL	11/8/2021	CSLTDL	0966.828.373	7	1
51	Nhà nghỉ Vườn Dừa	208 đường Trần Hưng Đạo 2, khu La Xuyên, thị trấn Nam Sách	1176/TB-SVHTTDL	11/8/2021	CSLTDL	0844.345.687	21	3
52	Nhà nghỉ Đồng Khởi	Đường Trần Hưng Đạo, khu La Xuyên, thị trấn Nam Sách	1173/TB-SVHTTDL	11/8/2021	CSLTDL	0398.679.172	17	4
53	Nhà nghỉ Anh Yên	Thôn Miếu Lãng, Đồng Lạc, Nam Sách	1170/TB-SVHTTDL	11/8/2021	CSLTDL	0903.440.995	24	5
54	Nhà nghỉ Hùng Nhung	Thôn Đông Phan, Đồng Lạc, Nam Sách	1172/TB-SVHTTDL	11/8/2021	CSLTDL	0904.158.968	6	1

55	Nhà nghỉ Tùng Lâm	Thôn Đông Phan, Đồng Lạc, Nam Sách	1171/TB-SVHTTDL	11/8/2021	CSLTDL	0984.403.794	15	2
56	Nhà nghỉ Phương Thao	Thôn Hào Quan, Đồng Lạc, Nam Sách	1169/TB-SVHTTDL	11/8/2021	CSLTDL	0976.163.122	15	2
57	Nhà nghỉ Thiên Hương	Thôn Hào Quan, Đồng Lạc, Nam Sách	1168/TB-SVHTTDL	11/8/2021	CSLTDL	0982.237.955	12	2
58	Nhà nghỉ Đăng Khoa	Khu công 6/100 Bạch Đa, An Lâm, Nam Sách	1178/TB-SVHTTDL	11/8/2021	CSLTDL	0963.118.366	11	2
59	Nhà Nghỉ Hàn Quốc	Số 161 đường Hùng Vương, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách	1944/TB-SVHTTDL	17/12/2021	CSLTDL		10	2
60	Nhà nghỉ Hoàng Anh 2	Khu 7, TTr Thanh Hà, Thanh Hà	1053/TB-SVHTTDL	22/7/2021	CSLTDL	0988.311.316	20	6
61	Nhà nghỉ Sao Mai	Đường Trần Nhân Tông, Khu 3, TTr Thanh Hà	1054/TB-SVHTTDL	22/7/2021	CSLTDL	0936.209.999	6	1
62	Nhà nghỉ Hương Quê	Nhân Lữ, Cẩm Chê, Thanh Hà	1058/TB-SVHTTDL	22/7/2021	CSLTDL	0396328162.	12	2
63	Nhà nghỉ Phương Nam	Nhân Lữ, Cẩm Chê, Thanh Hà	1057/TB-SVHTTDL	22/7/2021	CSLTDL	0912.564.169	10	2
64	Nhà nghỉ Nam Phương	Nhân Lữ, Cẩm Chê, Thanh Hà	1056/TB-SVHTTDL	22/7/2021	CSLTDL	0372608280	10	2
65	Nhà nghỉ Mai Anh	Song Động, Tân An, Thanh Hà	1060/TB-SVHTTDL	22/7/2021	CSLTDL	0986.432.719	10	2
66	Nhà nghỉ Đạt	Đông Phan, Tân An, Thanh	1059/TB-	22/7/2021	CSLTDL	0983.355.059	26	1

	Thành	Hà	SVHTTDL					
67	Nhà nghỉ Hoàng Anh 1	Xuân An, Thanh Khê, Thanh Hà	1062/TB-SVHTTDL	22/7/2021	CSLTDL	0988.311.316	20	5
68	Nhà nghỉ Mạnh An	Xuân An, Thanh Khê, Thanh Hà	1061/TB-SVHTTDL	22/7/2021	CSLTDL	0973.130.565	20	2
69	Nhà nghỉ XO	Thôn Tiên Vỹ, Thanh Hải, Thanh Hà	1055/TB-SVHTTDL	22/7/2021	CSLTDL	0975.676.299	11	1
70	Khách sạn Phương Ngọc	Khu phố Mới, Thị trấn Tứ Kỳ, Tứ Kỳ	1079/TB-SVHTTDL	23/7/2021	CSLTDL	0913.356.429	18	10
71	Nhà nghỉ Khải Hoàn	Hà Hải, Hà Kỳ, Tứ Kỳ	1077/TB-SVHTTDL	23/7/2021	CSLTDL	0972.123.121	12	3
72	Nhà nghỉ Tiệp Thúy	Hà Hải, Hà Kỳ, Tứ Kỳ	1078/TB-SVHTTDL	23/7/2021	CSLTDL	0369.096.579	15	2
73	Nhà nghỉ Lâm Tùng	Đông Tràng, Bích Đông, Quang Phục, Tứ Kỳ	1177/TB-SVHTTDL	11/8/2021	CSLTDL	0375.936.589	12	2
74	Nhà nghỉ 99	Thôn Quàn, Minh Đức, Tứ Kỳ	1076/TB-SVHTTDL	23/7/2021	CSLTDL	0392.368.999	20	3
TỔNG							1.930	859

PHỤ LỤC IX**Các câu lạc bộ, đội văn nghệ trên địa bàn tỉnh**

STT	Tên các CLB/ đội Chèo	Địa chỉ (SĐT liên hệ)	Khu, điểm Du lịch	Số người thực hành di sản	Số lượng người có khả năng truyền dạy	Số lượng người đã được truyền dạy	Các hoạt động bảo tồn di sản (tiết mục, số buổi trình diễn)
1	CLB hát Chèo xã Cẩm Phúc	- Địa chỉ: xã Cẩm Phúc, huyện Cẩm Giàng - SĐT: 0904.454.136	-	10	0	-	- 15 tiết mục biểu diễn/năm
2	CLB hát Chèo xã Cẩm Đông	- Địa chỉ: xã Cẩm Đông, huyện Cẩm Giàng - SĐT: 0976.256.929	-	7	0	-	- 12 tiết mục biểu diễn/năm
3	CLB hát Chèo xã Đức Chính	- Địa chỉ: xã Đức Chính, huyện Cẩm Giàng - SĐT: 0349.513.826	-	12	0	-	- 16 tiết mục biểu diễn/năm
4	CLB hát Chèo truyền thống xã Tân Trường	- Địa chỉ: xã Tân Trường, huyện Cẩm Giàng	-	10	0	-	- 20 tiết mục biểu diễn/năm

STT	Tên các CLB/ đội Chèo	Địa chỉ (SĐT liên hệ)	Khu, điểm Du lịch	Số người thực hành di sản	Số lượng người có khả năng truyền dạy	Số lượng người đã được truyền dạy	Các hoạt động bảo tồn di sản (tiết mục, số buổi trình diễn)
		- SĐT: 0967.263.606					
5	CLB văn nghệ xã Thanh Quang	- Địa chỉ: xã Thanh Quang, huyện Thanh Hà - SĐT: 0986.258.763	-	30	05	30	Biểu diễn phục vụ phong trào của địa phương
6	CLB văn nghệ xã Thanh Xuân	- Địa chỉ: xã Thanh Xuân, huyện Thanh Hà - SĐT: 0343.883.395	-	25	03	25	Biểu diễn phục vụ phong trào của địa phương
7	CLB văn nghệ thôn Thừa Liệt	- Địa chỉ: xã Thanh Hải, huyện Thanh Hà - SĐT: 0338.808.086	-	40	10	40	Biểu diễn phục vụ phong trào của địa phương
8	CLB văn hóa văn nghệ - thể dục thể thao thôn Đồng Bào	- Địa chỉ: xã Gia Xuyên, thành phố Hải Dương - SĐT: 0376.425.209	-	7	0	32	Biểu diễn 2 lần/năm dịp lễ hội truyền thống
9	CLB hát Chèo khu dân cư 9,	- Địa chỉ: khu dân cư 9,	-	21	1	48	Biểu diễn phục vụ phong

STT	Tên các CLB/ đội Chèo	Địa chỉ (SĐT liên hệ)	Khu, điểm Du lịch	Số người thực hành di sản	Số lượng người có khả năng truyền dạy	Số lượng người đã được truyền dạy	Các hoạt động bảo tồn di sản (tiết mục, số buổi trình diễn)
	phường Nhị Châu	phường Nhị Châu, TP. Hải Dương - SĐT: 0383.301.202					trào của địa phương
10	CLB hát Chèo phường Tứ Minh	- Địa chỉ: phường Tứ Minh, thành phố Hải Dương - SĐT: 0368.393.374	-	11	0	25	Biểu diễn phục vụ phong trào của địa phương
11	CLB hát Chèo thôn Thanh Xá	- Địa chỉ: thôn Thanh Xá, xã Liên Hồng, TP. Hải Dương - SĐT: 0353.989.378		10	0	37	Biểu diễn phục vụ phong trào của địa phương
12	CLB hát Chèo xã Ngọc Sơn	- Địa chỉ: xã Ngọc Sơn, thành phố Hải Dương - SĐT: 0368.326.787		20	0	50	Biểu diễn phục vụ phong trào của địa phương
13	CLB Chèo khu Bảo Thái	- Địa chỉ: phường Tân	-	20	3	45	Biểu diễn phục vụ phong

STT	Tên các CLB/ đội Chèo	Địa chỉ (SĐT liên hệ)	Khu, điểm Du lịch	Số người thực hành di sản	Số lượng người có khả năng truyền dạy	Số lượng người đã được truyền dạy	Các hoạt động bảo tồn di sản (tiết mục, số buổi trình diễn)
		Hung, thành phố Hải Dương - SĐT: 0386.471.561					trào của địa phương
14	CLB Chèo khu Phú Thọ	- Địa chỉ: phường Thạch Khôi, thành phố Hải Dương - SĐT: 0362.028.424	-	15	0	25	Biểu diễn phục vụ phong trào của địa phương
15	CLB yêu dân ca và Chèo thành phố Hải Dương	- Địa chỉ: TT Văn hóa - Thông tin thành phố Hải Dương - SĐT: 0972.311.939	-	67	15	125	- 135 buổi
16	CLB chèo thị trấn Nam Sách	- Địa chỉ: TT Nam Sách, huyện Nam Sách	-	15	2	10	- khoảng 4 buổi/ năm
17	CLB chèo xã Nam Hưng	- Địa chỉ: xã Nam Hưng, huyện Nam Sách	Điểm du lịch đền	20	3	15	- khoảng 4 buổi/ năm

STT	Tên các CLB/ đội Chèo	Địa chỉ (SĐT liên hệ)	Khu, điểm Du lịch	Số người thực hành di sản	Số lượng người có khả năng truyền dạy	Số lượng người đã được truyền dạy	Các hoạt động bảo tồn di sản (tiết mục, số buổi trình diễn)
			Long Động				
18	CLB chèo xã Hợp Tiến	- Địa chỉ: xã Hợp Tiến, huyện Nam Sách	Điểm du lịch Đình Đầu	20	2	15	- khoảng 4 buổi/ năm
19	CLB chèo xã Nam Trung	- Địa chỉ: xã Nam Trung, huyện Nam Sách	-	15	2	10	- khoảng 4 buổi/ năm
20	CLB chèo xã An Lâm	- Địa chỉ: xã An Lâm, huyện Nam Sách	-	15	1	10	- khoảng 3 buổi/ năm
21	CLB chèo xã Đồng Lạc	- Địa chỉ: xã Đồng Lạc, huyện Nam Sách	-	17	1	7	- khoảng 3 buổi/ năm
22	CLB chèo xã An Bình	- Địa chỉ: xã An Bình, huyện Nam Sách	Điểm du lịch chùa Trăm	18	2	10	- khoảng 3 buổi/ năm

STT	Tên các CLB/ đội Chèo	Địa chỉ (SĐT liên hệ)	Khu, điểm Du lịch	Số người thực hành di sản	Số lượng người có khả năng truyền dạy	Số lượng người đã được truyền dạy	Các hoạt động bảo tồn di sản (tiết mục, số buổi trình diễn)
			gian				
23	CLB chèo thôn My Động	- Địa chỉ: xã Hồng Phong, huyện Thanh Miện	-	12	01	12	- khoảng 4 buổi/ năm
24	CLB chèo thôn Triều Dương	- Địa chỉ: xã Chi Lăng Nam, huyện Thanh Miện	Đảo Cò	15	02	15	- khoảng 5 buổi/năm
25	CLB Chèo thôn Gia Cốc	- Địa chỉ: xã Tứ Cường, huyện Thanh Miện	-	20	03	09	- khoảng 3 buổi/ năm
26	CLB chèo thôn An Khóa	- Địa chỉ: xã Tứ Cường, huyện Thanh Miện	-	25	05	20	- khoảng 4 buổi/năm
27	CLB chèo huyện Thanh Miện	- Địa chỉ: xã Tứ Cường, huyện Thanh Miện	-	35	07	30	- khoảng 6 buổi/năm
28	CLB hát chèo - dân ca huyện Thanh Miện	- Địa chỉ: TT Thanh Miện, huyện Thanh Miện	-	35	06	15	- khoảng 4 buổi/năm
29	Đội văn nghệ Minh Đức	- Địa chỉ: xã Minh Đức,	-	25	5	30	Biểu diễn phục vụ phong

STT	Tên các CLB/ đội Chèo	Địa chỉ (SĐT liên hệ)	Khu, điểm Du lịch	Số người thực hành di sản	Số lượng người có khả năng truyền dạy	Số lượng người đã được truyền dạy	Các hoạt động bảo tồn di sản (tiết mục, số buổi trình diễn)
		huyện Tứ Kỳ - SĐT: 0982106736					trào của địa phương
30	Đội văn nghệ Quang Khải	- Địa chỉ: xã Quang Khải, huyện Tứ Kỳ - SĐT: 0973226494	-	20	3	20	Biểu diễn phục vụ phong trào của địa phương
31	Đội văn nghệ Đại Sơn	- Địa chỉ: xã Đại Sơn, huyện Tứ Kỳ - SĐT: 0982133169	-	18	4	20	Biểu diễn phục vụ phong trào của địa phương
32	Đội văn nghệ Tân Kỳ	- Địa chỉ: xã Tân Kỳ, huyện Tứ Kỳ - SĐT: 0376247510	-	25	3	25	Biểu diễn phục vụ phong trào của địa phương
33	Đội văn nghệ Dân Chủ	- Địa chỉ: xã Dân Chủ, huyện Tứ Kỳ - SĐT: 0986329793	-	20	4	20	Biểu diễn phục vụ phong trào của địa phương

STT	Tên các CLB/ đội Chèo	Địa chỉ (SĐT liên hệ)	Khu, điểm Du lịch	Số người thực hành di sản	Số lượng người có khả năng truyền dạy	Số lượng người đã được truyền dạy	Các hoạt động bảo tồn di sản (tiết mục, số buổi trình diễn)
34	Đội văn nghệ Quang Phục	- Địa chỉ: xã Quang Phục, huyện Tứ Kỳ - SĐT: 0984401397	-	22	4	15	Biểu diễn phục vụ phong trào của địa phương
35	Đội văn nghệ Tái Sơn	- Địa chỉ: xã Tái Sơn, huyện Tứ Kỳ - SĐT: 0969722892	-	30	5	18	Biểu diễn phục vụ phong trào của địa phương
36	Đội văn nghệ Cộng Lạc	- Địa chỉ: xã Cộng Lạc, huyện Tứ Kỳ - SĐT: 0388832386	-	15	3	20	Biểu diễn phục vụ phong trào của địa phương
37	Đội văn nghệ Thị trấn Tứ Kỳ	- Địa chỉ: thị trấn Tứ Kỳ, huyện Tứ Kỳ - SĐT: 0974269289	-	25	6	30	Biểu diễn phục vụ phong trào của địa phương
38	Đội văn nghệ Phụng Kỳ	- Địa chỉ: xã Phụng Kỳ, huyện Tứ Kỳ	-	20	5	25	Biểu diễn phục vụ phong trào của địa phương

STT	Tên các CLB/ đội Chèo	Địa chỉ (SĐT liên hệ)	Khu, điểm Du lịch	Số người thực hành di sản	Số lượng người có khả năng truyền dạy	Số lượng người đã được truyền dạy	Các hoạt động bảo tồn di sản (tiết mục, số buổi trình diễn)
		- SĐT: 0382596987					
39	Đội văn nghệ An Thanh	- Địa chỉ: xã An Thanh, huyện Tứ Kỳ - SĐT: 0975934229	-	18	3	20	Biểu diễn phục vụ phong trào của địa phương
40	Đội văn nghệ Tiên Động	- Địa chỉ: xã Tiên Động, huyện Tứ Kỳ - SĐT: 0394289365	-	23	4	30	Biểu diễn phục vụ phong trào của địa phương
41	Đội văn nghệ Nguyên Giáp	- Địa chỉ: xã Nguyên Giáp, huyện Tứ Kỳ - SĐT: 0983749115	-	25	6	25	Biểu diễn phục vụ phong trào của địa phương
42	Đội văn nghệ Hà Thanh	- Địa chỉ: xã Hà Thanh, huyện Tứ Kỳ - SĐT: 0394290193	-	20	4	20	Biểu diễn phục vụ phong trào của địa phương
43	Đội văn nghệ Quang Trung	- Địa chỉ: xã Quang	-	18	3	18	Biểu diễn phục vụ phong

STT	Tên các CLB/ đội Chèo	Địa chỉ (SĐT liên hệ)	Khu, điểm Du lịch	Số người thực hành di sản	Số lượng người có khả năng truyền dạy	Số lượng người đã được truyền dạy	Các hoạt động bảo tồn di sản (tiết mục, số buổi trình diễn)
		Trung, huyện Tứ Kỳ - SĐT: 0328402820					trào của địa phương
44	Đội văn nghệ Hà Kỳ	- Địa chỉ: xã Hà Kỳ, huyện Tứ Kỳ - SĐT: 0989049741	-	20	3	18	Biểu diễn phục vụ phong trào của địa phương
45	CLB chèo huyện Tứ Kỳ	- Địa chỉ: TTVH-TT huyện Tứ Kỳ, TT Tứ Kỳ, huyện Tứ Kỳ - SĐT: 0978960286	-	180	20	-	Biểu diễn phục vụ phong trào của địa phương
46	Đội văn nghệ thôn Cáy	- Địa chỉ: Thôn Cáy, xã Đoàn Thượng, huyện Gia Lộc - SĐT: 0862081268	-	15	0	0	- khoảng 3 buổi/năm
47	Đội văn nghệ thôn An Thu	- Địa chỉ: Thôn An Thu, xã Đồng Quang, huyện	-	10	0	0	- khoảng 4 buổi/năm

STT	Tên các CLB/ đội Chèo	Địa chỉ (SĐT liên hệ)	Khu, điểm Du lịch	Số người thực hành di sản	Số lượng người có khả năng truyền dạy	Số lượng người đã được truyền dạy	Các hoạt động bảo tồn di sản (tiết mục, số buổi trình diễn)
		Gia Lộc - SĐT: 0359925727					
48	Đội văn nghệ thôn Đôn Thụ	- Địa chỉ: Thôn Đôn Thụ, xã Đồng Quang, huyện Gia Lộc - SĐT: 0979962442	-	8	0	0	- khoảng 4 buổi/năm
49	Đội văn nghệ thôn Vĩnh Duệ	- Địa chỉ: Thôn Vĩnh Duệ, xã Đồng Quang, huyện Gia Lộc - SĐT: 0394502980	-	10	0	2	- khoảng 4 buổi/năm
50	Đội văn nghệ thôn Đông Thượng	- Địa chỉ: Thôn Đông Thượng, xã Đồng Quang, huyện Gia Lộc - SĐT: 0972340354	-	7	0	3	- khoảng 5 buổi/năm
51	Đội văn nghệ thôn Đông Hạ	- Địa chỉ: Thôn Đông	-	7	0	2	- khoảng 4 buổi/năm

STT	Tên các CLB/ đội Chèo	Địa chỉ (SĐT liên hệ)	Khu, điểm Du lịch	Số người thực hành di sản	Số lượng người có khả năng truyền dạy	Số lượng người đã được truyền dạy	Các hoạt động bảo tồn di sản (tiết mục, số buổi trình diễn)
		Hạ, xã Đồng Quang, huyện Gia Lộc - SĐT: 0964217975					
52	CLB hát chèo xã Đức Xương	- Địa chỉ: Xã Đức Xương, huyện Gia Lộc - SĐT: 0366946623	-	10	02	0	- khoảng 4 buổi/năm
53	Đội văn nghệ thôn Bình Đê	- Địa chỉ: Thôn Bình Đê, xã Gia Khánh, huyện Gia Lộc - SĐT: 0825122924	-	12	0	0	- khoảng 4 buổi/năm
54	Đội văn nghệ thôn Cao Lý	- Địa chỉ: Thôn Cao Lý, xã Gia Khánh, huyện Gia Lộc - SĐT: 0965604193	-	12	0	0	- khoảng 4 buổi/năm
55	Đội văn nghệ thôn Gia Bùi	- Địa chỉ: Thôn Gia Bùi,	-	10	0	0	- khoảng 3 buổi/năm

STT	Tên các CLB/ đội Chèo	Địa chỉ (SĐT liên hệ)	Khu, điểm Du lịch	Số người thực hành di sản	Số lượng người có khả năng truyền dạy	Số lượng người đã được truyền dạy	Các hoạt động bảo tồn di sản (tiết mục, số buổi trình diễn)
		xã Gia Khánh, huyện Gia Lộc - SĐT: 02206512795					
56	Đội văn nghệ thôn Cao Dương	- Địa chỉ: Thôn Cao Dương, xã Gia Khánh, huyện Gia Lộc - SĐT: 0385603012	-	12	0	0	- khoảng 4 buổi/năm
57	Câu lạc bộ chèo xã Gia Lương	- Địa chỉ: xã Gia Lương, huyện Gia Lộc - SĐT: 0366026576	-	20	5	20	- khoảng 5 buổi/năm
58	Đội văn nghệ thôn An Tân	- Địa chỉ: xã Gia Tân, huyện Gia Lộc - SĐT: 0976300634	--	15	01	14	- khoảng 5 buổi/năm
59	Đội văn nghệ thôn Đại Lương	- Địa chỉ: xã Hoàng Diệu, huyện Gia Lộc	-	20	0	0	- khoảng 3 buổi/năm

STT	Tên các CLB/ đội Chèo	Địa chỉ (SĐT liên hệ)	Khu, điểm Du lịch	Số người thực hành di sản	Số lượng người có khả năng truyền dạy	Số lượng người đã được truyền dạy	Các hoạt động bảo tồn di sản (tiết mục, số buổi trình diễn)
		- SĐT: 0867605566					
60	CLB thôn Phương Bằng	- Địa chỉ: xã Hồng Hưng, huyện Gia Lộc - SĐT: 0984304234	-	15	2	15	- khoảng 5 buổi/năm
61	Đội văn nghệ thôn Bùi Hạ	- Địa chỉ: xã Lê Lợi, huyện Gia Lộc - SĐT: 0345031910	-	15	2	0	- khoảng 3 buổi/năm
62	Đội văn nghệ thôn Già	- Địa chỉ: xã Lê Lợi, huyện Gia Lộc - SĐT: 0383266835	-	12	1	3	- khoảng 5 buổi/năm
63	Đội văn nghệ thôn Lại	- Địa chỉ: xã Lê Lợi, huyện Gia Lộc - SĐT: 0363295984	-	15	2	2	- khoảng 3 buổi/năm
64	Đội văn nghệ thôn Cao Duệ	- Địa chỉ: xã Nhật Tân,	-	10	0	0	- khoảng 5 buổi/năm

STT	Tên các CLB/ đội Chèo	Địa chỉ (SĐT liên hệ)	Khu, điểm Du lịch	Số người thực hành di sản	Số lượng người có khả năng truyền dạy	Số lượng người đã được truyền dạy	Các hoạt động bảo tồn di sản (tiết mục, số buổi trình diễn)
		huyện Gia Lộc - SĐT: 0342432208					
65	Đội văn nghệ thôn Thị Đức	- Địa chỉ: xã Nhật Tân, huyện Gia Lộc - SĐT: 0344446516	-	10	0	0	- khoảng 5 buổi/năm
66	Đội văn nghệ thôn Cầu Lâm	- Địa chỉ: xã Phạm Trán, huyện Gia Lộc - SĐT: 0349416878	-	10	0	0	- khoảng 5 buổi/năm
67	Đội văn nghệ thôn Quang Bị	- Địa chỉ: xã Phạm Trán, huyện Gia Lộc - SĐT: 0969316158	-	12	0	0	- khoảng 5 buổi/năm
68	Đội văn nghệ thôn Côi Thượng	- Địa chỉ: xã Phạm Trán, huyện Gia Lộc - SĐT: 0988474277	-	10	0	0	- khoảng 5 buổi/năm

STT	Tên các CLB/ đội Chèo	Địa chỉ (SĐT liên hệ)	Khu, điểm Du lịch	Số người thực hành di sản	Số lượng người có khả năng truyền dạy	Số lượng người đã được truyền dạy	Các hoạt động bảo tồn di sản (tiết mục, số buổi trình diễn)
69	Đội văn nghệ thôn Côi Hạ	- Địa chỉ: xã Phạm Trán, huyện Gia Lộc - SĐT: 0977902043	-	10	0	0	- khoảng 5 buổi/năm
70	Đội văn nghệ 5 thôn Nam Cầu	- Địa chỉ: xã Phạm Trán, huyện Gia Lộc - SĐT: 0349515309	-	15	0	0	- khoảng 5 buổi/năm
71	Đội văn nghệ 6 thôn Nam Cầu	- Địa chỉ: xã Phạm Trán, huyện Gia Lộc - SĐT: 0332318978	-	15	0	0	- khoảng 5 buổi/năm
72	CLBchèoNgười cao tuổi	- Địa chỉ: xã Tân Tiến, huyện Gia Lộc - SĐT: 0964157327	-	10	2	8	- khoảng 3 buổi/năm
73	Đội văn nghệ thôn Bái Hạ	- Địa chỉ: xã Toàn Thắng, huyện Gia Lộc	-	15	0	0	- khoảng 5 buổi/năm

STT	Tên các CLB/ đội Chèo	Địa chỉ (SĐT liên hệ)	Khu, điểm Du lịch	Số người thực hành di sản	Số lượng người có khả năng truyền dạy	Số lượng người đã được truyền dạy	Các hoạt động bảo tồn di sản (tiết mục, số buổi trình diễn)
		- SĐT: 0359692159					
74	Đội văn nghệ thôn Bái Thượng	- Địa chỉ: xã Toàn Thắng, huyện Gia Lộc - SĐT: 0969261520	-	12	0	0	- khoảng 5 buổi/năm
75	Đội văn nghệ thôn Phạm Trung	- Địa chỉ: xã Toàn Thắng, huyện Gia Lộc - SĐT: 0372848360	-	12	0	0	- khoảng 5 buổi/năm
76	Đội văn nghệ thôn Điền Nhi	- Địa chỉ: xã Toàn Thắng, huyện Gia Lộc - SĐT: 0397106667	-	10	0	0	- khoảng 5 buổi/năm
77	CLB văn nghệ Thị trấn Gia Lộc	- Địa chỉ: TT Gia Lộc, huyện Gia Lộc - SĐT: 0985592363	-	25	3	5	- khoảng 3 buổi/năm
78	Đội văn nghệ Khu dân cư số 1	- Địa chỉ: thị trấn Gia	-	22	2	3	- khoảng 5 buổi/năm

STT	Tên các CLB/ đội Chèo	Địa chỉ (SĐT liên hệ)	Khu, điểm Du lịch	Số người thực hành di sản	Số lượng người có khả năng truyền dạy	Số lượng người đã được truyền dạy	Các hoạt động bảo tồn di sản (tiết mục, số buổi trình diễn)
		Lộc, huyện Gia Lộc					
79	Đội văn nghệ Khu dân cư số 7	- Địa chỉ: thị trấn Gia Lộc, huyện Gia Lộc	-	12	2	3	- khoảng 3 buổi/năm
80	Đội văn nghệ Khu dân cư số 8	- Địa chỉ: thị trấn Gia Lộc, huyện Gia Lộc	-	10	1	2	- khoảng 3 buổi/năm
81	Đội văn nghệ Khu dân cư Ngà	- Địa chỉ: thị trấn Gia Lộc, huyện Gia Lộc		10	1	2	- khoảng 3 buổi/năm
82	Đội văn nghệ Khu dân cư Tó	- Địa chỉ: thị trấn Gia Lộc, huyện Gia Lộc		9	1	2	- khoảng 3 buổi/năm
83	CLB chèo thôn Đồng Đội	- Địa chỉ: xã Thống Kênh, huyện Gia Lộc - SĐT: 0375457910		24	0	0	- khoảng 4 buổi/năm
84	Đội văn nghệ thôn Quỳnh Huê	- Địa chỉ: xã Thống Nhất, huyện Gia Lộc		18	1	2	- khoảng 12 buổi/năm

STT	Tên các CLB/ đội Chèo	Địa chỉ (SĐT liên hệ)	Khu, điểm Du lịch	Số người thực hành di sản	Số lượng người có khả năng truyền dạy	Số lượng người đã được truyền dạy	Các hoạt động bảo tồn di sản (tiết mục, số buổi trình diễn)
		- SĐT: 0362934462					
85	Đội văn nghệ thôn Trung	- Địa chỉ: xã Thống Nhất, huyện Gia Lộc - SĐT: 0989051683		16	2	3	- khoảng 10 buổi/năm
86	CLB hát chèo xã Yết Kiêu	- Địa chỉ: Xã Yết Kiêu, huyện Gia Lộc - SĐT: 0366066855		16	0	-	- khoảng 4 buổi/ năm
87	Đội văn nghệ thôn Lương Nham	- Địa chỉ: xã Yết Kiêu, huyện Gia Lộc - SĐT: 0392617872		12	0	-	- khoảng 4 buổi/ năm
88	Đội văn nghệ thôn Huyện Bùa	- Địa chỉ: xã Yết Kiêu, huyện Gia Lộc - SĐT: 0984766156		10	0	-	- khoảng 4 buổi/ năm
89	Đội văn nghệ thôn Khăn	- Địa chỉ: xã Yết Kiêu,		8	0	-	- khoảng 4 buổi/ năm

STT	Tên các CLB/ đội Chèo	Địa chỉ (SĐT liên hệ)	Khu, điểm Du lịch	Số người thực hành di sản	Số lượng người có khả năng truyền dạy	Số lượng người đã được truyền dạy	Các hoạt động bảo tồn di sản (tiết mục, số buổi trình diễn)
		huyện Gia Lộc - SĐT: 0984866476					
90	Đội văn nghệ thôn Hạ Bì	- Địa chỉ: xã Yết Kiêu, huyện Gia Lộc - SĐT: 0338777537		14	0	-	- khoảng 4 buổi/ năm
91	Đội văn nghệ thôn Hoàng Kim	- Địa chỉ: xã Yết Kiêu, huyện Gia Lộc - SĐT: 0376301706	-	8	0	-	- khoảng 4 buổi/ năm
92	Đội văn nghệ thôn Trịnh Thanh Vân	- Địa chỉ: xã Yết Kiêu, huyện Gia Lộc - SĐT: 0389309834	-	18	0	-	- khoảng 4 buổi/ năm
93	Đội văn nghệ thôn Bá Đại	- Địa chỉ: xã Yết Kiêu, huyện Gia Lộc - SĐT: 0384854986	-	9	0	-	- khoảng 4 buổi/ năm

STT	Tên các CLB/ đội Chèo	Địa chỉ (SĐT liên hệ)	Khu, điểm Du lịch	Số người thực hành di sản	Số lượng người có khả năng truyền dạy	Số lượng người đã được truyền dạy	Các hoạt động bảo tồn di sản (tiết mục, số buổi trình diễn)
94	CLB chèo Đại Đức	- Địa chỉ: xã Đại Đức, huyện Kim Thành - SĐT: 0384858662	-	22	3	5	Biểu diễn phục vụ phong trào của địa phương
95	CLB chèo Đồng Cẩm	- Địa chỉ: Xã Đồng Cẩm, huyện Kim Thành - SĐT: 0373833712	-	20	2	4	Biểu diễn phục vụ phong trào của địa phương
96	CLB chèo Kim Tân	- Địa chỉ: Xã Kim Tân, huyện Kim Thành - SĐT: 0356048129	-	18	3	6	Biểu diễn phục vụ phong trào của địa phương
97	CLB chèo Liên Hòa	- Địa chỉ: xã Liên Hòa, huyện Kim Thành - SĐT: 038 4921882	-	16	2	4	Biểu diễn phục vụ phong trào của địa phương
98	CLB chèo xã Bình Dân	- Địa chỉ: xã Bình Dân, huyện Kim Thành	-	15	2	3	Biểu diễn phục vụ phong trào của địa phương

STT	Tên các CLB/ đội Chèo	Địa chỉ (SĐT liên hệ)	Khu, điểm Du lich	Số người thực hành di sản	Số lượng người có khả năng truyền dạy	Số lượng người đã được truyền dạy	Các hoạt động bảo tồn di sản (tiết mục, số buổi trình diễn)
		- SĐT: 0981010865					
99	CLB chèo Kim Đính	- Địa chỉ: xã Kim Đính, huyện Kim Thành - SĐT: 0363938075	-	14	2	2	Biểu diễn phục vụ phong trào của địa phương
100	CLB chèo xã Ngũ Phúc	- Địa chỉ: xã Ngũ Phúc, huyện Kim Thành - SĐT: 0975215869	-	12	2	3	Biểu diễn phục vụ phong trào của địa phương
101	CLB chèo xã Kim Anh	- Địa chỉ: xã Kim Anh, huyện Kim Thành SĐT: 0348489823	-	20	3	6	Biểu diễn phục vụ phong trào của địa phương
102	CLB chèo TT Phú Thái	- Địa chỉ: TT Phú Thái, huyện Kim Thành - SĐT: 0398795361	-	12	2	4	Biểu diễn phục vụ phong trào của địa phương
103	CLB chèo xã Kim Liên	- Địa chỉ: xã Kim Liên,	-	22	3	5	Biểu diễn phục vụ phong

STT	Tên các CLB/ đội Chèo	Địa chỉ (SĐT liên hệ)	Khu, điểm Du lịch	Số người thực hành di sản	Số lượng người có khả năng truyền dạy	Số lượng người đã được truyền dạy	Các hoạt động bảo tồn di sản (tiết mục, số buổi trình diễn)
		huyện Kim Thành - SĐT: 0369557200					trào của địa phương
104	CLB chèo xã Phúc Thành	- Địa chỉ: xã Phúc Thành, huyện Kim Thành - SĐT: 0975366582	-	12	2	4	Biểu diễn phục vụ phong trào của địa phương
105	CLB chèo xã Kim Xuyên	- Địa chỉ: xã Kim Xuyên, huyện Kim Thành - SĐT: 0966534298	-	12	2	5	Biểu diễn phục vụ phong trào của địa phương
106	CLB chèo xã Tuấn Việt	- Địa chỉ: xã Tuấn Việt, huyện Kim Thành - SĐT: 0968497118	-	15	2	4	Biểu diễn phục vụ phong trào của địa phương
107	CLB chèo xã Cổ Dũng	- Địa chỉ: xã Cổ Dũng, huyện Kim Thành	-	16	2	5	Biểu diễn phục vụ phong trào của địa phương

STT	Tên các CLB/ đội Chèo	Địa chỉ (SĐT liên hệ)	Khu, điểm Du lịch	Số người thực hành di sản	Số lượng người có khả năng truyền dạy	Số lượng người đã được truyền dạy	Các hoạt động bảo tồn di sản (tiết mục, số buổi trình diễn)
		- SĐT: 0962258013					
108	CLB chèo xã Cộng Hòa	- Địa chỉ: xã Cộng Hòa, huyện Kim Thành - SĐT: 0372168682	-	14	3	5	Biểu diễn phục vụ phong trào của địa phương
109	CLB hát chèo xã Hồng Khê	- Địa chỉ: xã Hồng Khê, huyện Bình Giang - SĐT: 0379.025.167	-	37	6	18	- 10 buổi/năm
110	CLB hát truyền thống huyện Bình Giang	- Địa chỉ: Trung tâm Văn hóa -Thông tin huyện Bình Giang	-	45	10	45	- 10 buổi/năm
111	CLB hát chèo xã Nhân Quyền	- Địa chỉ: xã Nhân Quyền, huyện Bình Giang	-	35	5	20	- 12 buổi/năm
112	CLB hát dân ca, chèo xã Tân Việt	- Địa chỉ: xã Tân Việt, huyện Bình Giang	-	30	3	23	- 12 buổi/năm

STT	Tên các CLB/ đội Chèo	Địa chỉ (SĐT liên hệ)	Khu, điểm Du lịch	Số người thực hành di sản	Số lượng người có khả năng truyền dạy	Số lượng người đã được truyền dạy	Các hoạt động bảo tồn di sản (tiết mục, số buổi trình diễn)
113	CLB chèo xã Vĩnh Hồng	- Địa chỉ: xã Vĩnh Hồng, huyện Bình Giang	-	40	5	25	- 8 buổi/năm
114	CLB hát chèo thị trấn Kẻ Sặt	- Địa chỉ: TT Kẻ Sặt, huyện Bình Giang	-	35	2	20	- 8 buổi/năm
115	CLB hát chèo xã Vĩnh Hưng	- Địa chỉ: xã Vĩnh Hưng, huyện Bình Giang	-	30	4	20	- 9 buổi/năm
116	CLB hát dân ca, chèo xã Bình Minh	- Địa chỉ: xã Bình Minh, huyện Bình Giang	-	35	2	15	- 10 buổi/năm
117	CLB khu dân cư Tổng Xá	- Địa chỉ: phường Thái Thịnh, thị xã Kinh Môn - SĐT: 0947399988	-	12	8	20	- sinh hoạt 1 lần/tháng
118	CLB chèo Minh Tân	- Địa chỉ: phường Minh Tân, thị xã Kinh Môn	-	10	10	-	- sinh hoạt 1 lần/tháng
119	CLB chèo Xạ Sơn	- Địa chỉ: xã Quang		25	10	30	- sinh hoạt 1 lần/tháng

STT	Tên các CLB/ đội Chèo	Địa chỉ (SĐT liên hệ)	Khu, điểm Du lịch	Số người thực hành di sản	Số lượng người có khả năng truyền dạy	Số lượng người đã được truyền dạy	Các hoạt động bảo tồn di sản (tiết mục, số buổi trình diễn)
		Thành, thị xã Kinh Môn - SĐT: 0372198202					
120	CLB chèo An Cường	- Địa chỉ: phường Hiệp Sơn, thị xã Kinh Môn - SĐT: 0912651654	-	45	20	55	- sinh hoạt 1 lần/tuần
121	CLB chèo Hiệp Thượng	- Địa chỉ: phường Hiệp Sơn, thị xã Kinh Môn - SĐT: 0936508264	-	50	25	57	- sinh hoạt 1 lần/tuần
122	CLB chèo Hiệp Thạch	- Địa chỉ: phường Hiệp Sơn, thị xã Kinh Môn	-	20	5	30	- sinh hoạt 1 lần/tuần
123	CLB chèo Hiệp Hạ	- Địa chỉ: phường Hiệp Sơn, thị xã Kinh Môn	-	25	5	15	- sinh hoạt 1 lần/tháng
124	CLB chèo Lư Hạ	- Địa chỉ: phường An Lư, thị xã Kinh Môn	-	20	5	15	- sinh hoạt 1 lần/tháng

STT	Tên các CLB/ đội Chèo	Địa chỉ (SĐT liên hệ)	Khu, điểm Du lịch	Số người thực hành di sản	Số lượng người có khả năng truyền dạy	Số lượng người đã được truyền dạy	Các hoạt động bảo tồn di sản (tiết mục, số buổi trình diễn)
125	CLB Sơn Thủy	- Địa chỉ: phường Phú Thú, thị xã Kinh Môn	-	15	15	15	- sinh hoạt 3 lần/tháng
126	CLB Bông Sen	- Địa chỉ: phường Phú Thú, thị xã Kinh Môn	-	4	4	4	- sinh hoạt 4 lần/tháng

PHỤ LỤC X**Danh sách các tỉnh đã xây dựng và ban hành Chính sách ưu đãi hỗ trợ phát triển du lịch**

STT	Tên tỉnh đã ban hành Chính sách	Thời gian ban hành	Tên Chính sách	Nội dung chính sách	Ghi chú
I	MIỀN BẮC				
1	Lạng Sơn	Số 17/2020/NQ-HĐNH ngày 14/12/2020	Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ phát triển du lịch cộng đồng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2021-2025	<p>1. Hỗ trợ xây dựng kết cấu hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật tại các điểm du lịch cộng đồng (<i>Hỗ trợ đầu tư xây dựng, nâng cấp đường giao thông: 50% tổng giá trị công trình, tối đa 01 tỷ đồng/điểm du lịch; xây dựng, cải tạo đường giao thông nội bộ trong các điểm du lịch: mức hỗ trợ 50% tổng giá trị công trình, tối đa 500 triệu đồng/điểm du lịch; xây dựng hệ thống thu gom xử lý nước thải, rác thải sinh hoạt: mức hỗ trợ 50% tổng giá trị công trình, tối đa 500 triệu đồng/điểm du lịch; xây dựng bãi đỗ xe chung có diện tích tối thiểu 200m²: mức hỗ trợ 50% tổng giá trị dự toán công trình, tối đa 100 triệu đồng/điểm du lịch; xây dựng nhà vệ sinh công cộng với diện tích tối thiểu 30m²: mức hỗ trợ 50% giá trị công trình, tối đa 100 triệu đồng/điểm du lịch; xây dựng, lắp đặt các biển chỉ dẫn, thuyết minh về điểm du lịch không quá 50 triệu đồng/điểm du lịch</i>);</p> <p>2. Hỗ trợ tổ chức các lớp tập huấn, hỗ trợ các hộ gia</p>	

				<p>đình tham gia kinh doanh du lịch cộng đồng (<i>tổ chức các lớp tập huấn chuyên môn nghiệp vụ không quá 50 triệu đồng/điểm du lịch/năm</i>);</p> <p>3. Hỗ trợ các hộ gia đình tham gia kinh doanh du lịch cộng đồng (<i>mức hỗ trợ 20 triệu đồng/hộ gia đình</i>).</p>	
2	Thái Nguyên	Số 25/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021	Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ phát triển du lịch cộng đồng trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2022-2025	<p>1. Hỗ trợ kinh phí lập dự án, đầu tư hạ tầng tại các điểm phát triển du lịch cộng đồng;</p> <p>2. Hỗ trợ kinh phí xây dựng và phát triển sản phẩm du lịch;</p> <p>3. Hỗ trợ kinh phí tập huấn, bồi dưỡng phát triển nguồn nhân lực du lịch;</p> <p>4. Hỗ trợ tuyên truyền, quảng bá, xúc tiến du lịch.</p> <p>(<i>Hỗ trợ tối đa 5.000 triệu đồng đối với 01 điểm du lịch</i>)</p>	
3	Lào Cai	Số 06/2021/NQ-HĐND ngày 09/4/2021	Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Lào Cai giai đoạn 2021-2025	<p>1. Chính sách hỗ trợ vay vốn đầu tư điểm du lịch (<i>tối đa 02 tỷ đồng/dự án/điểm du lịch (không quá 100 triệu đồng cho 01 người lao động được tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm)</i>);</p> <p>2. Chính sách hỗ trợ vay vốn phát triển sản phẩm du lịch cộng đồng <i>tối đa không quá 100 triệu đồng/người (một hộ gia đình được vay tối đa 200 triệu đồng/02 người lao động)</i>;</p> <p>3. Chính sách hỗ trợ câu lạc bộ, đội văn nghệ dân gian</p>	

				tại các điểm du lịch (thành lập mới, 01 (một) lần: Mức hỗ trợ tối đa không quá: 40.000.000 đồng/đội (câu lạc bộ); duy trì hoạt động của câu lạc bộ, đội văn nghệ dân gian: Mức hỗ trợ tối đa không quá: 5.000.000 đồng/tháng/đội (câu lạc bộ).	
4	Cao Bằng	Số 78/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021	Nghị quyết ban hành quy định chính sách hỗ trợ phát triển du lịch cộng đồng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng đến năm 2025	<p>1. Đầu tư về cơ sở vật chất, kỹ thuật tại các điểm du lịch cộng đồng (xây dựng hệ thống biển, bảng thuyết minh, chỉ dẫn, không quá 100 triệu đồng/điểm; bảo tồn bản sắc văn hóa, cải tạo cảnh quan, bảo vệ môi trường, không quá 50 triệu đồng/hộ dân, không quá 10 hộ/điểm; đầu tư ban đầu hệ thống thu gom, xử lý rác thải, không quá 40 triệu; cải tạo cảnh quan môi trường, không quá 30 triệu đồng/điểm; xây dựng, cải tạo Nhà vệ sinh, không quá 30 triệu đồng/hộ dân; đầu tư mua sắm trang thiết bị, không quá 50 triệu đồng/hộ dân.)</p> <p>2. Hỗ trợ xây dựng và phát triển sản phẩm du lịch cộng đồng (không quá 200 triệu đồng/điểm);</p> <p>3. Hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng, tuyên truyền, nâng cao nhận thức, phát triển nguồn nhân lực du lịch cộng đồng (tổ chức tập huấn, tuyên truyền nâng cao nhận thức, không quá 50 triệu đồng/lớp; tổ chức, tập huấn kỹ năng nghề, không quá 50 triệu đồng/lớp);</p> <p>4. Hỗ trợ công tác xúc tiến quảng bá (không quá 50 triệu đồng/năm/điểm du lịch; không quá 5 điểm du lịch/năm).</p>	

5	Lai Châu	Số 59/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021	Nghị quyết quy định một số chính sách hỗ trợ bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc gắn với phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025	<p>1. Khôi phục lễ hội truyền thống, nghề thủ công truyền thống</p> <p>a) Hỗ trợ khôi phục 02 lễ hội truyền thống (tối đa 150 triệu đồng/lễ hội cả giai đoạn không quá 300 triệu đồng);</p> <p>b) Hỗ trợ khôi phục quy trình sản xuất nghề (tối đa 50 triệu đồng/nghe cả giai đoạn không quá 150 triệu đồng);</p> <p>2. Bảo tồn và phát huy các lễ hội truyền thống, chợ phiên truyền thống</p> <p>- Hỗ trợ duy trì tổ chức lễ hội truyền thống (tối đa 80 triệu đồng/lễ hội/năm, cả giai đoạn không quá 480 triệu đồng; Hỗ trợ tổ chức 35 lễ hội/năm, tối đa 80 triệu đồng/lễ hội/năm, cả giai đoạn không quá 11.200 triệu đồng)</p> <p>- Bảo tồn, phát huy 02 chợ phiên truyền thống (tối đa 3.000 triệu đồng/chợ, cả giai đoạn không quá 6.000 triệu đồng).</p> <p>3. Truyền dạy văn hóa truyền thống, truyền dạy và sản xuất vật mẫu nghề</p> <p>- Truyền dạy và sản xuất vật mẫu nghề (tối đa 150 triệu đồng/nghe/người truyền dạy; hỗ trợ người học 50.000 đồng/người/buổi, tổng kinh phí hỗ trợ cho cả giai đoạn không quá 450 triệu đồng)</p> <p>- Lớp truyền dạy văn hóa truyền thống của các dân tộc</p>	
---	----------	------------------------------------	--	--	--

				<p>(tối đa 150 triệu đồng/lớp/dân tộc, cả giai đoạn không quá 5.550 triệu đồng);</p> <p>4. Tổ chức các đội văn nghệ quần chúng (tối đa 20 triệu đồng/đội, cả giai đoạn không quá 960 triệu đồng)</p> <p>5. Bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa truyền thống gắn với phát triển các điểm du lịch</p> <p>a) Phát triển hạ tầng điểm du lịch</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng địa điểm tổ chức các hoạt động trải nghiệm (tối đa 70% tổng dự toán kinh phí và không quá 1.000 triệu đồng/mô hình/điểm du lịch; tổng kinh phí hỗ trợ cả giai đoạn không quá 5.000 triệu đồng) - Hỗ trợ cải tạo, sửa chữa nhà ở theo kiến trúc nhà ở truyền thống (tối đa 70% tổng dự toán kinh phí, không quá 160 triệu đồng/hộ, 10 hộ/điểm du lịch; tổng kinh phí hỗ trợ cả giai đoạn không quá 8.000 triệu đồng). - Xây dựng mới nhà vệ sinh cho hộ gia đình kinh doanh dịch vụ lưu trú nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê (homestay)(tối đa 70% tổng dự toán kinh phí, không quá 50 triệu đồng/hộ, 10 hộ/điểm du lịch; tổng kinh phí hỗ trợ cả giai đoạn không quá 2.500 triệu đồng) <p>b) Lập bản đồ quy hoạch tổng thể (tỷ lệ bản đồ 1/2.000 cho các điểm du lịch, tối đa 200 triệu đồng/điểm du lịch, cả giai đoạn không quá 800 triệu đồng)</p>	
--	--	--	--	---	--

			<p>c) Hệ thống điện chiếu sáng dọc đường (tối đa 70% tổng dự toán và không quá 500 triệu đồng/điểm du lịch; tổng kinh phí hỗ trợ cả giai đoạn không quá 2.500 triệu đồng)</p> <p>d) Xây dựng mới và cải tạo, sửa chữa, nâng cấp bãi đỗ xe (tối đa 70% tổng dự toán, không quá 300 triệu đồng/bãi đỗ xe/điểm du lịch, không quá 150 triệu đồng đối với cải tạo, cả giai đoạn không quá 1.050 triệu đồng)</p> <p>đ) Cải tạo, nâng cấp đường nội bản (tối đa 70% tổng dự toán kinh phí, không quá 500 triệu đồng/km, 2.500 triệu đồng/điểm du lịch, cả giai đoạn không quá 12.500 triệu đồng)</p> <p>e) Xây dựng mới nhà vệ sinh công cộng (tối đa 70% tổng dự toán không quá 300 triệu đồng/nhà vệ sinh/điểm du lịch, cả giai đoạn không quá 1.500 triệu đồng)</p> <p>f) Đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực: tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ 200.000/người/ngày, cả giai đoạn không quá 150 triệu đồng; học nghề du lịch: 10 triệu đồng/người/khóa học, cả giai đoạn không quá 1.000 triệu đồng</p> <p>g) Sản phẩm du lịch và dịch vụ du lịch (xây dựng 01 điểm ngắm cảnh tối đa 70% tổng dự toán và không quá 900 triệu</p>	
--	--	--	---	--

				<i>đồng/điểm; Xây dựng 01 điểm bay dù lượn, tối đa 70% tổng dự toán và không quá 2.000 triệu đồng/điểm bay)</i>	
6	Tuyên Quang	Số 09/2021/NQ-HĐND ngày 20/12/2021	Nghị quyết quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang	<p>1. Hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật, dịch vụ tối thiểu cho nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê (<i>homestay</i>) (<i>Hỗ trợ 80 triệu đồng/01 homestay</i>);</p> <p>2. Hỗ trợ mua sắm thiết bị thu gom rác thải, nhà vệ sinh công cộng tại các điểm du lịch cộng đồng; hỗ trợ mua nhà vệ sinh công cộng tại các khu du lịch (<i>mua sắm thiết bị thu gom rác thải, nhà vệ sinh, hỗ trợ 75 triệu đồng/01 điểm du lịch; mua nhà vệ sinh công cộng, hỗ trợ 140 triệu đồng/01 khu du lịch</i>);</p> <p>3. Hỗ trợ đội văn nghệ phục vụ du lịch tại các điểm du lịch cộng đồng (<i>Hỗ trợ 70 triệu đồng/01 đội văn nghệ/01 điểm du lịch</i>);</p> <p>4. Hỗ trợ đầu tư xây dựng điểm dừng chân phục vụ khách du lịch (<i>tối đa 400 triệu đồng/dự án</i>);</p> <p>5. Hỗ trợ lãi suất vay vốn đầu tư xây dựng, sửa chữa nhà truyền thống của dân tộc thiểu số (<i>Hỗ trợ 90% lãi suất, không quá 200 triệu đồng/01 homestay</i>); xây dựng nhà hàng đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch (<i>Hỗ trợ 80% lãi suất, không quá 500 triệu đồng/01 nhà hàng, 02 tỷ đồng/01 tàu</i>); mua, đóng mới tàu cao tốc, tàu chở khách du lịch; ký quỹ kinh doanh dịch vụ lữ hành (<i>Hỗ trợ 100% chênh lệch giữa lãi suất cho vay của ngân hàng trừ đi lãi suất tiền gửi ký quỹ, đa không quá 100 triệu đồng/01 doanh nghiệp lữ hành</i>)</p>	

				<p>nội địa, 500 triệu đồng/01 doanh nghiệp lữ hành quốc tế);</p> <p>6. Chính sách hỗ trợ chi phí đào tạo nghiệp vụ du lịch (không quá 5 triệu đồng/01 loại chứng chỉ);</p> <p>7. Hỗ trợ sản xuất mẫu sản phẩm lưu niệm mới phục vụ du lịch (Hỗ trợ 50% chi phí sản xuất các mẫu sản phẩm lưu niệm mới phục vụ du lịch; mức hỗ trợ tối đa 60 triệu đồng/cơ sở).</p>	
7	Yên Bái	Số 10/2021/NQ-HĐND ngày 19/4/2021	Nghị quyết ban hành quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Yên Bái giai đoạn 2021-2025	<p>I. Chính sách hỗ trợ cơ sở vật chất và hạ tầng du lịch</p> <p>1. Hỗ trợ đầu tư xây dựng, nâng cấp đường giao thông kết nối các địa điểm có hoạt động du lịch trên địa bàn tỉnh;</p> <p>2. Hỗ trợ đầu tư cơ sở kinh doanh thương mại đạt tiêu chuẩn, bán các sản phẩm đặc sản, sản phẩm OCOP của tỉnh Yên Bái phục vụ khách du lịch (30% kinh phí, không quá 100 triệu đồng/cơ sở);</p> <p>3. Hỗ trợ mua sắm trang thiết bị; đầu tư hệ thống xử lý và cung cấp nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt tại các cơ sở kinh doanh dịch vụ nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê (hỗ trợ đầu tư hệ thống cấp nước sạch không quá 20 triệu đồng/hộ gia đình; mua sắm trang thiết bị không quá 30 triệu đồng/hộ gia đình);</p> <p>4. Hỗ trợ đầu tư mua sắm thiết bị thu gom rác thải tại các thôn (bản) có hoạt động du lịch cộng đồng (không</p>	

				<p><i>quá 60 triệu đồng/tổ chức, thôn (bản);</i></p> <p>5. Hỗ trợ xây dựng nhà vệ sinh công cộng đạt chuẩn phục vụ khách du lịch tại các khu trung tâm và các địa điểm có hoạt động du lịch (<i>không quá 200 triệu đồng/thôn (bản).</i>)</p> <p>II. Chính sách hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực du lịch và hoạt động xúc tiến, quảng bá du lịch</p> <p>1. Chính sách hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực du lịch (<i>lớp bồi dưỡng kỹ năng (quản trị không quá 75 triệu, phụ vụ không quá 65 triệu đồng/lớp; lớp ngoại ngữ, không quá 70 triệu đồng/lớp);</i></p> <p>2. Chính sách hỗ trợ hoạt động xúc tiến, quảng bá du lịch (<i>50% tổng kinh phí tham gia, không quá 50 triệu/tổ chức/1 lần, không quá 05 tổ chức/năm).</i>)</p> <p>III. Chính sách hỗ trợ phát triển tài nguyên du lịch</p> <p>1. Hỗ trợ kinh phí thành lập và duy trì hoạt động đội văn nghệ quần chúng phục vụ sinh hoạt văn hóa, văn nghệ tại các thôn (bản) có hoạt động du lịch cộng đồng (<i>thành lập: nhóm I không quá 60 triệu đồng/đội; nhóm II không quá 40 triệu đồng/đội; duy trì 03 triệu đồng/đội/năm);</i></p> <p>2. Hỗ trợ lập hồ sơ khoa học di sản văn hóa phi vật thể đề nghị đưa vào danh mục Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia trên địa bàn có tiềm năng phát triển du lịch (<i>không quá 250 triệu đồng/hồ sơ);</i></p>	
--	--	--	--	---	--

				<p>3. Hỗ trợ truyền dạy trong lĩnh vực văn hóa phi vật thể (mỗi lớp tối thiểu 10 người, không quá 45 triệu đồng/lớp);</p> <p>4. Hỗ trợ duy trì, phát triển làng nghề, làng nghề truyền thống phục vụ du lịch (50 triệu đồng/hợp tác xã; 20 triệu đồng/tổ hợp tác).</p>	
8	Son La	Số 41/2022/NQ-HĐND ngày 31/8/2022	Nghị quyết quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2022-2026	<p>1. Chính sách hỗ trợ phát triển sản phẩm du lịch (Đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật, tôn tạo cảnh quan, đảm bảo môi trường, phát triển sản phẩm du lịch, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số... hỗ trợ: 300.000.000 đồng/khu du lịch; 200.000.000 đồng/điểm du lịch; Hỗ trợ xây dựng chương trình biểu diễn nghệ thuật dân gian (dân ca, dân vũ, dân nhạc) phục vụ khách du lịch thường xuyên tại điểm. Mức hỗ trợ: 70.000.000 đồng/khu, điểm, bản; Hỗ trợ xây dựng trích đoạn lễ hội truyền thống dân tộc phục vụ khách du lịch thường xuyên tại điểm. Mức hỗ trợ: 90.000.000 đồng/khu, điểm, bản; Hỗ trợ khôi phục, phát triển nghề truyền thống phục vụ phát triển du lịch. Mức hỗ trợ: 90.000.000 đồng/khu, điểm, bản; Hỗ trợ các tổ chức, cá nhân có sáng kiến, sáng tạo phát triển loại hình, sản phẩm du lịch mới, khác biệt, độc đáo, hấp dẫn. Mức hỗ trợ: 90.000.000 đồng/sáng kiến)</p> <p>2. Chính sách xúc tiến quảng bá du lịch; Đối với các hoạt động xây dựng, phát triển, truyền thông thương hiệu qua các cuộc thi về du lịch: - Các cuộc thi có tính chất nghiệp vụ, được tổ chức</p>	

				<p>thường xuyên:</p> <p>+ Các cuộc thi cấp tỉnh: <i>Giải Nhất/ giải A: 7.000.000 đồng/giải; Giải Nhì/giải B: 5.000.000 đồng/giải; Giải Ba/ giải C: 3.000.000 đồng/giải, giải khuyến khích 2.000.000 đồng/giải.</i></p> <p>+ Các cuộc thi cấp huyện: <i>Giải Nhất/giải A: 5.000.000 đồng/giải; Giải Nhì/giải B: 3.000.000 đồng/giải; Giải Ba/giải C: 2.000.000 đồng/giải; Giải Khuyến khích: 1.000.000 đồng/giải.</i></p> <p>+ Các cuộc thi sáng tạo không thường xuyên (cuộc thi sáng tác bộ nhận diện thương hiệu du lịch; cuộc thi logo, slogan, video clip, quảng bá du lịch và các cuộc thi ý tưởng sáng tạo lĩnh vực du lịch...): <i>Giải Nhất: 20.000.000 đồng/giải; Giải Nhì: 15.000.000 đồng/giải; Giải Ba: 10.000.000 đồng/giải; Giải Khuyến khích: 5.000.000 đồng/giải.</i></p> <p>- Giải thưởng bình chọn công nhận thương hiệu, chất lượng trong tỉnh, định kỳ 01 lần/năm. <i>Giải tập thể 20.000.000 đồng/giải; giải cá nhân 10.000.000 đồng/giải.</i></p> <p>- Hỗ trợ tổ chức, cá nhân chuẩn bị gian hàng, sản phẩm du lịch, ấn phẩm, phương tiện, thiết bị, phần mềm truyền thông quảng bá du lịch... được tỉnh/huyện mời làm đại diện. <i>Mức hỗ trợ 15.000.000 đồng/đơn vị/lần tham gia.</i></p> <p>- Hỗ trợ kinh phí lưu trú, phương tiện đi lại cho tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp lữ hành tổ chức đoàn FAM Trip khảo sát, đánh giá sản phẩm điểm đến, hình thành tour du lịch mới trên địa bàn tỉnh. <i>Mức hỗ trợ: Áp dụng theo chế độ công tác phí hiện hành.</i></p>	
--	--	--	--	--	--

				<p>3. Chính sách hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực (người tham gia khóa đào tạo nghề đến 03 tháng: 4.500.000 đồng/người/khóa đào tạo; người tham gia khóa đào tạo nghề trên 03 tháng: 1.500.000 đồng/người/tháng, thời gian hỗ trợ không quá 06 tháng; doanh nghiệp, tổ chức về du lịch tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về du lịch: 50.000.000 đồng/lớp khi đảm bảo số lượng từ 30 đến 50 học viên/lớp);</p> <p>4. Chính sách hỗ trợ phát triển du lịch cộng đồng (bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng phục vụ, xúc tiến sản phẩm, thực hiện các nhiệm vụ theo quy hoạch, kế hoạch, đề án đã được phê duyệt. Mức hỗ trợ: 01 tỷ/năm; hỗ trợ trong thời gian 36 tháng; đầu tư, nâng cấp, cải tạo nhà ở truyền thống, trang thiết bị, hỗ trợ 50.000.000 đồng/hộ; lãi suất tiền vay bằng mức hộ nghèo của ngân hàng chính sách xã hội, tối đa 30.000.000 đồng/hộ, thời gian 36 tháng; đầu tư lắp đặt và kinh phí sử dụng wifi, mức 15.000.000 đồng/bản/năm, thời gian 36 tháng).</p>	
9	Ninh Bình	Số 105/2023/NQ-HĐND ngày 12/7/2023	Nghị quyết về việc ban hành Quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2023-2030	<p>1. Chính sách hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực du lịch (Đối với lớp tập huấn: 90% kinh phí, không quá 50 triệu/lớp, tối đa 2 lớp/năm; Đối với đào tạo nghề: 4,5 triệu đồng/người/khóa)</p> <p>2. Chính sách hỗ trợ tham gia các chương trình xúc tiến du lịch trong và ngoài nước (20% chi phí, không quá 30 triệu đồng/lần – trong nước, không quá 50 triệu đồng/lần – các nước Châu Á, không quá 100</p>	

				<p><i>triệu/lần – ngoài khu vực châu Á);</i></p> <p>3. Hỗ trợ thành lập và duy trì hoạt động của đội văn nghệ, câu lạc bộ văn nghệ quần chúng tại các địa phương để phục vụ khách du lịch (<i>100 triệu đồng/công trình xây mới, 50 triệu đồng/công trình nâng cấp, cải tạo; Thành lập mới hỗ trợ: 50 triệu đồng/đội văn nghệ - 15 người trở lên, duy trì hỗ trợ 30 triệu đồng/năm</i></p> <p>4. Chính sách hỗ trợ phát triển sản phẩm du lịch (<i>Chính sách hỗ trợ đầu tư xây dựng mới hoặc nâng cấp, cải tạo loại hình nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê, hỗ trợ 100 triệu đồng/công trình xây dựng mới và 50 triệu đồng/công trình nâng cấp, cải tạo; Chính sách hỗ trợ thành lập và duy trì hoạt động của đội văn nghệ, câu lạc bộ văn nghệ quần chúng tại các địa phương để phục vụ khách du lịch: Hỗ trợ thành lập đội văn nghệ, câu lạc bộ văn nghệ quần chúng, hỗ trợ 50 triệu đồng, hỗ trợ duy trì hoạt động của đội văn nghệ, câu lạc bộ văn nghệ quần chúng, hỗ trợ 30 triệu đồng/đội)</i></p> <p>5. Chính sách hỗ trợ bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới Quần thể danh thắng Tràng An (<i>tu bổ, sửa chữa 100 triệu đồng/công trình; xây mới theo khung mẫu thiết kế 100 triệu đồng/công trình)</i></p>	
10	Bắc Giang	Số 41/2023/NQ-HĐND ngày	Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ phát	1. Hỗ trợ lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 điểm du lịch cộng đồng (<i>hỗ trợ 70% kinh phí thực tế, không</i>	

		14/7/2023	triển du lịch cộng đồng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2023-2030	<p><i>quá 2 tỷ đồng/điểm);</i></p> <p>2. Hỗ trợ xây dựng cơ sở vật chất điểm du lịch cộng đồng (<i>hỗ trợ nhà đón khách, trưng bày sản phẩm 500 triệu đồng/nhà, không quá 3 nhà/điểm; hỗ trợ xây dựng nhà vệ sinh 100 triệu đồng/nhà, không quá 3 nhà/điểm; hỗ trợ đường giao thông nội bộ 800 triệu đồng/nhà, không quá 2 tỷ đồng/điểm; hỗ trợ xây dựng bãi đỗ xe 100 triệu đồng/bãi đỗ, không quá 2 bãi đỗ/điểm);</i></p> <p>3. Hỗ trợ mua hoặc đóng thuyền, xe điện vận chuyển khách du lịch (<i>hỗ trợ 70% kinh phí – đối với thuyền không quá 1,5 tỷ đồng/thuyền, không quá 2 thuyền/điểm; đối với xe điện không quá 200 triệu đồng/xe điện, không quá 5 xe/điểm).</i></p>	
11	Hà Giang	Số 10/2023/NQ-HĐND ngày 15/7/2023	Nghị quyết quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển du lịch đến năm 2028 trên địa bàn tỉnh Hà Giang	<p>1. Chính sách hỗ trợ xây dựng trạm dừng chân du lịch (<i>Hỗ trợ 100% lãi suất tiền vay từ các ngân hàng thương mại trên địa bàn tỉnh trong thời gian 36 tháng, hỗ trợ 01 lần đối với 01 dự án và với khoản vay tối đa 02 tỷ đồng/dự án);</i></p> <p>2. Chính sách hỗ trợ xây dựng sản phẩm du lịch mạo hiểm (<i>Hỗ trợ 100% lãi suất tiền vay từ các ngân hàng thương mại trên địa bàn tỉnh trong thời gian 36 tháng, hỗ trợ 01 lần đối với 01 dự án và với khoản vay tối đa 02 tỷ đồng/dự án);</i></p> <p>3. Chính sách hỗ trợ trực tiếp cho các làng Văn hóa du lịch tiêu biểu được tỉnh công nhận (<i>Đối với làng được</i></p>	

				<i>công nhận lần đầu: 200.000.000đồng (Hai trăm triệu đồng). Đối với làng được công nhận lần 2: 100.000.000đồng (Một trăm triệu đồng)</i>	
12	Bắc Kạn	Số 16/2023/NQ-HĐND ngày 23/10/2023	Nghị quyết ban hành quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển điểm du lịch trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn	<p>1. Hỗ trợ tư vấn về không gian, cảnh quan, sản phẩm và cách làm du lịch (<i>hỗ trợ theo thực tế tại từng điểm du lịch và không quá 300 triệu đồng/01 điểm</i>);</p> <p>2. Hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất và phát triển điểm du lịch (<i>Hỗ trợ theo thực tế nhưng tối đa không quá 3.000 triệu đồng/01 điểm du lịch</i>);</p> <p>3. Hỗ trợ phát triển sản phẩm du lịch gắn với bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa dân tộc (<i>Đối với xây mới hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở truyền thống của đồng bào dân tộc, mua sắm thiết bị, vật dụng - hỗ trợ 100% lãi suất vay vốn ngân hàng theo thực tế. Mức vay tối đa được hỗ trợ lãi suất không quá 500 triệu đồng/nhà, thời gian vay không quá 36 tháng và không quá 10 nhà/01 điểm du lịch; Đối với tạo sản phẩm lưu niệm, quà tặng - 50 triệu đồng/cơ sở và không quá 03 cơ sở/01 điểm du lịch</i>);</p> <p>4. Hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng phát triển nguồn nhân lực du lịch (<i>1,5 triệu đồng/người/tháng, thời gian hỗ trợ tối đa 6 tháng và không quá 15 người/01 điểm du lịch</i>);</p> <p>5. Hỗ trợ công tác xúc tiến, quảng bá du lịch (<i>Không quá 150 triệu đồng/01 điểm du lịch/năm; thời gian hỗ</i></p>	

				<i>trợ trong 3 năm).</i>	
II	MIỀN TRUNG				
13	Thừa Thiên Huế	Số 05/2019/NQ-HĐND ngày 09/7/2019	Nghị quyết quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển du lịch cộng đồng tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2025	<p>1. Hỗ trợ xây dựng hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật tại các điểm du lịch (<i>xây dựng, nâng cấp 01 tuyến đường giao thông nối từ các trục Quốc lộ, Tỉnh lộ, Huyện đến điểm du lịch không quá 2 tỷ đồng/điểm du lịch; xây dựng, nâng cấp đường nội bộ tại điểm du lịch, không quá 1,5 tỷ đồng/điểm du lịch; Bãi đỗ xe (bến thuyền): đầu tư mới không quá 200 triệu đồng/điểm du lịch, đầu tư nâng cấp không quá 50 triệu đồng/điểm du lịch; Nhà đón tiếp và trung bày: đầu tư mới không quá 400 triệu đồng/điểm du lịch, đầu tư nâng cấp không quá 100 triệu đồng/điểm du lịch; Nhà vệ sinh công cộng; xây dựng mới không quá 100 triệu đồng, nâng cấp không quá 25 triệu đồng; Bảng chỉ dẫn, thuyết minh: không quá 50 triệu đồng; xây dựng cơ sở lưu trú trong dân (homestay): xây dựng mới không quá 30 triệu đồng cho 01 phòng, tối đa 100 triệu đồng/cơ sở cho ba 03 phòng, sửa chữa 15 triệu cho 01 phòng, tối đa không quá 50 triệu đồng/cơ sở, Tổng mức hỗ trợ cho một điểm du lịch không quá 01 tỷ đồng/6 năm)</i></p> <p>2. Hỗ trợ xây dựng và phát triển sản phẩm, dịch vụ du lịch cộng đồng (<i>hỗ trợ 50 triệu đồng cho 01 sản phẩm du lịch và không quá 250 triệu đồng/điểm du lịch</i>);</p> <p>3. Hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng và phát triển nguồn nhân</p>	

				lực phục vụ du lịch (<i>hỗ trợ một (01) khóa đào tạo, tập huấn tối đa không quá 30 triệu/điểm du lịch, không quá 300 triệu đồng/điểm du lịch trong giai đoạn 6 năm</i>)	
14	Nghệ An	Số 07/2020/NQ-HĐND ngày 22/7/2020	Nghị quyết về một số chính sách hỗ trợ phát triển du lịch cộng đồng trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021-2025	<p>1. Đối với mô hình hộ gia đình (<i>Hỗ trợ 50 triệu đồng/hộ mua sắm trang thiết bị vệ sinh đạt chuẩn; 50 triệu đồng/hộ mua sắm trang thiết bị ban đầu phục vụ khách</i>)</p> <p>2. Đối với mô hình thôn, xóm, bản (<i>Hỗ trợ 40 triệu đồng/thôn, xóm, bản mua nhạc cụ, trang phục; 15 triệu đồng/thôn, xóm, bản lắp đặt biển báo, chỉ dẫn</i>);</p> <p>3. Đối với UBND cấp huyện (<i>Hỗ trợ 80 triệu tổ chức lớp tập huấn, 100 triệu kinh phí tuyên truyền, quảng bá xúc tiến</i>).</p>	
15	Quang Trị	Số 12/2022/NQ-HĐND ngày 15/4/2022	Nghị quyết về chính sách hỗ trợ phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2022-2030	<p>1. Chính sách hỗ trợ lập Quy hoạch phân khu xây dựng khu du lịch tỷ lệ 1/2000;</p> <p>2. Chính sách hỗ trợ nâng cao chất lượng các điểm, khu du lịch cộng đồng (<i>cải tạo cảnh quan môi trường: 50% tổng giá trị công trình, không quá 50 triệu đồng/điểm, khu; xây dựng và phát triển sản phẩm, hỗ trợ: 50% tổng kinh phí, không quá 200 triệu đồng/điểm; nhà đón tiếp và trưng bày, hỗ trợ: 50% tổng mức đầu tư không quá 200 triệu đồng/01 nhà; xây dựng nhà vệ sinh, hỗ trợ: 50% tổng giá trị, không quá 100 triệu đồng/01 nhà vệ sinh; xây dựng hệ thống biển, bảng, hỗ trợ 50% tổng giá trị công trình, không</i></p>	

				<p>quá 100 triệu đồng/điểm, khu);</p> <p>3. Chính sách hỗ trợ đầu tư các khu du lịch cộng đồng, sinh thái (hỗ trợ tối đa 10 tỷ đồng/01 khu);</p> <p>4. Xây dựng cơ sở hạ tầng (bãi đỗ xe chung, hỗ trợ 50% tổng giá trị, không quá 01 tỷ đồng/khu; xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải, rác thải, hỗ trợ 50% tổng giá trị, không quá 01 tỷ đồng/khu)</p> <p>5. Chính sách hỗ trợ tập huấn, bồi dưỡng phát triển nguồn nhân lực du lịch (hỗ trợ 80% kinh phí, không quá 50 triệu đồng/lớp);</p> <p>6. Chính sách hỗ trợ công tác xúc tiến du lịch (hỗ trợ 50% chi phí thuê mặt bằng, không quá 40 triệu đồng/doanh nghiệp, tổ chức/năm);</p> <p>7. Chính sách hỗ trợ ứng dụng công nghệ thông tin trong kinh doanh du lịch (hỗ trợ 50% kinh phí, không quá 50 triệu đồng/tổ chức, doanh nghiệp/năm).</p>	
16	Khánh Hòa	Số 06/2022/NQ-HĐND ngày 19/7/2022	Nghị quyết quy định một số nội dung và mức hỗ trợ phát triển du lịch cộng đồng tỉnh Khánh Hòa	<p>1. Lắp đặt hệ thống biển báo, biển chỉ dẫn (tối đa 15 triệu đồng/địa điểm);</p> <p>2. Phát triển sản phẩm du lịch (tối đa 40 triệu đồng/sản phẩm);</p> <p>3. Trang thiết bị cần thiết ban đầu cho cá nhân, hộ gia đình, người dân trong cộng đồng tham gia cung cấp dịch vụ du lịch (tối đa 30 triệu đồng/hộ);</p> <p>4. Tổ chức các lớp tập huấn bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng phục vụ khách du lịch cho cá nhân, hộ gia đình,</p>	

				<p>người dân trong cộng đồng tham gia cung cấp dịch vụ du lịch (tối đa 100 triệu đồng/năm/địa phương);</p> <p>5. Xúc tiến sản phẩm du lịch cộng đồng (tối đa 100 triệu đồng/năm/địa phương).</p>	
III	MIỀN NAM				
17	Đồng Tháp	Số 01/2022/NQ-HĐND ngày 24/3/2022	Nghị quyết quy định về chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2022-2026	<p>1. Hỗ trợ đầu tư phát triển điểm du lịch tham quan vườn hoa kiểng hoặc cánh đồng Sen hoặc vườn cây ăn trái hoặc sản phẩm OCOP, sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao hoặc gắn với sản xuất làng nghề, làng nghề truyền thống (300 triệu đồng/điểm);</p> <p>2. Hỗ trợ đầu tư loại hình du lịch Homestay (khách lưu trú và trải nghiệm văn hoá sinh hoạt gia đình tại nhà dân) chất lượng cao hoặc Farmstay (khách lưu trú, trải nghiệm các giá trị văn hoá bản địa tại trang trại) kết hợp trải nghiệm nông nghiệp chất lượng cao: (quy mô đầu tư đáp ứng phục vụ từ 15 khách trở lên, hỗ trợ 100 triệu đồng/cơ sở; quy mô đầu tư đáp ứng phục vụ từ 30 khách trở lên, hỗ trợ 300 triệu đồng/cơ sở)</p> <p>3. Hỗ trợ đầu tư xây dựng loại hình khách sạn hoặc khu nghỉ dưỡng phức hợp đạt tiêu chuẩn hạng 3 sao, 4 sao và 5 sao (đạt tiêu chuẩn hạng 3 sao được hỗ trợ 40 triệu đồng/phòng ngủ, mức hỗ trợ tối đa 04 tỷ đồng/cơ sở; đạt tiêu chuẩn hạng từ 4 sao trở lên được hỗ trợ 50 triệu đồng/phòng ngủ, mức hỗ trợ tối đa 10 tỷ đồng/cơ sở);</p>	

				<p>4. Hỗ trợ đầu tư xây dựng bến tàu du lịch (02 tỷ đồng/dự án/tổ chức);</p> <p>5. Hỗ trợ đầu tư mua sắm phương tiện vận chuyển khách du lịch đường thủy (Tàu từ 100 ghế trở lên: Tàu gỗ hỗ trợ 150 triệu đồng, Tàu sắt hỗ trợ 300 triệu đồng; Tàu từ 50 ghế đến 99 ghế, cụ thể: 50 ghế đầu tiên được tính bằng 50% mức hỗ trợ so với loại tàu từ 100 ghế trở lên. Cứ 10 ghế tăng thêm được hỗ trợ thêm 7,5 triệu đồng đối với Tàu gỗ và 15 triệu đồng đối với Tàu sắt; phương tiện vận chuyển khách du lịch đường thủy khác như ca nô, du thuyền, phà tự hành, ụ nổi kéo di động. Mức hỗ trợ được tính bằng 5% trên hoá đơn xuất xưởng);</p> <p>6. Hỗ trợ đầu tư mua sắm phương tiện vận chuyển khách du lịch đường bộ (5% trên tổng mức đầu tư mua sắm phương tiện);</p> <p>7. Hỗ trợ đầu tư xây dựng khu phố ẩm thực, khu phố mua sắm, khu vui chơi giải trí theo mô hình kinh tế ban đêm (quy mô đầu tư tối thiểu từ 50 tỷ trở lên, hỗ trợ: 02 tỷ đồng/dự án/tổ chức).</p>	
18	Đắc Lắc	Số 08/2021/NQ-HĐND ngày 13/8/2021	Nghị quyết về hỗ trợ phát triển du lịch cộng đồng tại các thôn, buôn đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Đắc Lắc, giai	<p>* Đối với thôn, buôn:</p> <p>1. Hỗ trợ đầu tư lắp đặt hệ thống chiếu sáng bằng năng lượng mặt trời tại các trục chính (hỗ trợ 50% tổng giá trị, tối đa 100 triệu đồng/thôn, buôn);</p> <p>2. Hỗ trợ kinh phí mua sắm máy vi tính, bàn ghế và xây dựng trang thông tin điện tử du lịch cộng đồng (hỗ</p>	

			<p>đoạn 2021-2025</p>	<p><i>trợ tối đa 40 triệu đồng/Ban quản lý);</i></p> <p>3. Hỗ trợ xây dựng bãi đỗ xe chung (<i>diện tích tối thiểu 200m², hỗ trợ 50% tổng giá trị dự toán, tối đa 250 triệu đồng/thôn, buôn);</i></p> <p>4. Hỗ trợ xây dựng nhà vệ sinh công cộng phục vụ khách du lịch (<i>hỗ trợ 50% giá trị công trình, tối đa 125 triệu đồng/thôn, buôn);</i></p> <p>5. Hỗ trợ xây dựng, lắp đặt các biển chỉ dẫn, thuyết minh điểm đến (<i>tối đa 50 triệu đồng/thôn, buôn);</i></p> <p>6. Hỗ trợ kinh phí cải tạo cảnh quan môi trường (<i>tối đa 50 triệu đồng/thôn, buôn);</i></p> <p>7. Hỗ trợ một lần kinh phí đầu tư hệ thống thu gom, xử lý rác thải (<i>tối đa 30 triệu đồng/thôn, buôn);</i></p> <p>8. Hỗ trợ kinh phí xây dựng sản phẩm du lịch trải nghiệm (<i>tối đa 50 triệu đồng/thôn, buôn);</i></p> <p>9. Hỗ trợ chi phí tham gia các hội chợ và các sự kiện xúc tiến quảng bá du lịch trong nước (<i>tối đa 10 triệu đồng/thôn, buôn).</i></p> <p>* Đối với cá nhân, hộ gia đình:</p> <p>1. Hỗ trợ 1 lần kinh phí di chuyển chuồng trại (<i>tối đa 30 triệu đồng/cá nhân, hộ gia đình);</i></p> <p>2. Hỗ trợ 1 lần kinh phí cải tạo, làm mới phần cứng nhà vệ sinh (<i>tối đa 50 triệu đồng/ cá nhân, hộ gia đình);</i></p> <p>3. Hỗ trợ tổ chức lớp bồi dưỡng kiến thức (<i>tối đa 40 triệu đồng/lớp-tối thiểu 20 người)</i></p>	
--	--	--	-----------------------	--	--

